**Nguyễn Quốc Văn**

Thao thức nỗi niềm quê

Chào mừng các bạn đón đọc đầu sách từ dự án sách cho thiết bị di động  
  
*Nguồn:* [*http://vnthuquan.net/*](http://vnthuquan.net/)  
Tạo ebook: Nguyễn Kim Vỹ.

**MỤC LỤC**

[Tự](" \l "bm2)

[Thao thức nỗi niềm quê](" \l "bm3)

[Con trâu thời thơ ấu](" \l "bm4)

[Rét gió chiều người ...](" \l "bm5)

[Xuân ở làng Thượng Văn](" \l "bm6)

[Tết, về Hà Nội hái tầm xuân ...](" \l "bm7)

["Khán khán nhân phong" tình đời tình thơ Tết.](" \l "bm8)

[Nơi quê cha đất tổ](" \l "bm9)

[Đường đến với hoa đào](" \l "bm10)

[Khách văn thuở mai vàng](" \l "bm11)

[Cái "Tâm" trong tục xem chân gà](" \l "bm12)

[Bữa tiệc rau đầu xuân](" \l "bm13)

[Phiên chợ - Đời người](" \l "bm14)

[Đền Hùng trong lòng người Việt](" \l "bm15)

[Đám giỗ thầy đồ](" \l "bm16)

[Ngược dòng tìm một mom sông](" \l "bm17)

[Tuyền Lâm, chốn mơ ...](" \l "bm18)

[Đà Lạt ngày trở lại](" \l "bm19)

[Thay chân người tới Cao Lãnh thăm cha](" \l "bm20)

[Đi tìm cây lá dấu](" \l "bm21)

[Chơi trăng núi Bà Đen](" \l "bm22)

**Nguyễn Quốc Văn**

Thao thức nỗi niềm quê

**Tự**

Bây giờ, không giống ngày xưa... Biết vậy, nhưng tôi thích níu kéo cái xưa vốn đã thành những kỷ niệm khó phai. Mà có lẽ, cũng nên nhớ xem mình là ai; rồi sẽ biết mình phải đi tới đâu...  
  
N.Q.V  
  
\* Thao thức nỗi niềm quê    
\* Con trâu thời thơ ấu    
\* Rét gió chiều người    
\* Xuân ở làng Thượng Văn    
\* Tết, về Hà Nội hái tầm xuân ...    
\* "Khán khán nhân phong" tình đời tình thơ Tết.    
\* Nơi quê cha đất tổ    
\* Đường đến với hoa đào    
\* Khách văn thuở mai vàng    
\* Cái "Tâm" trong tục xem chân gà    
\* Bữa tiệc rau đầu xuân    
\* Phiên chợ - Đời người    
\* Đền Hùng trong lòng người Việt    
\* Đám giỗ thầy đồ    
\* Ngược dòng tìm một mom sông    
\* Tuyền Lâm, chốn mơ    
\* Đà Lạt ngày trở lại    
\* Thay chân người tới Cao Lãnh thăm cha    
\* Đi tìm cây lá dấu    
\* Chơi trăng núi Bà Đen

**Nguyễn Quốc Văn**

Thao thức nỗi niềm quê

**Thao thức nỗi niềm quê**

**S** ài Gòn vào Tết chan hòa nắng. Đứng ở ngã tư Nguyễn Đình Chiểu - Nam Kỳ Khởi Nghĩa lúc bị kẹt xe, tôi vô tình ngước lên trời. Giữa hai tàn cây bên đường, không gian chiều ngang như hẹp lại, đẩy cái nhìn lơ đãng của tôi vút lên trời. Trời xanh thăm thẳm sắc bình yên. Hình như ở đây là cái màu xanh ngắt được nhận ra từ ngõ trúc trong thơ Yên Đổ... Hình như đó còn là cái màu xanh - "một màu xanh Quảng Trị - đất nước hai miền có chia đâu" khắc khoải năm nào trong thơ ai...   
"Xanh kìa, cha nội", ai nhắc cùng tiếng động cơ rộ lên giòn giã, hối hả khiến tôi quay về thực tại, rồ ga, vào số, chạy qua dinh Thống Nhất, ra chợ Bến Thành.  
Sống ở Sài Gòn đã lâu, tôi vẫn giữ lối xưa, đi "đụng lợn" theo lối mới. Được cái thời kinh tế thị trường người bán hàng nào cũng đon đả, chiều khách nên yêu cầu khó tính của tôi được một cô bé bán hàng đáp ứng ngay bằng một lời hẹn nghe mát cả ruột gan: "Chú cứ đi đâu đó, chừng một giờ rưỡi quay lại, con lo cho. Con hứa danh dự đó chú". Tôi đặt cọc gấp đôi số tiền định mua thịt, cô bán hàng gạt đi: "Khỏi, khỏi chú ơi! Con đã nói lo là lo mà. Ngày Tết...". Sướng thật!  
Ngồi bên ly cà phê đen, nhìn sang bên Thủ Thiêm, tôi bỗng nao lòng khi thấy khói bếp nhà ai vương lên trời một vài sợi mỏng...  
Quay sang quán bên, mấy cô gái đang rúc rích cười, vẻ mặt và áo quần rực rỡ như hoa. Lấp ló trong nắng sáng xuân vàng, hoa thược dược, hoa cẩm chướng, hoa mào gà... khoe sắc nắng hoặc sắc cờ...  
Tự nhiên trong tôi thức dậy nỗi nhớ quê da diết. Ai tha hương không da diết nhớ quê? Vào tiết xuân, quê tôi mờ trong mưa bụi. Mưa xuân li ti giăng mắc, bay nhảy trong gió nhẹ. Thảng lúc, có một cơn gió mồ côi chợt ào đến, những hạt mưa như bụi đang lơ lửng kia như bay ngược lên, nước như vỗ vào trời, đất trời như hòa làm một.  
Khi ấy tôi còn bé tí. Tóc vàng khét nắng gió đồng quê. Bốn mùa áo nâu sòng lưng vá, cúc hai bên vạt áo trèo cây nhiều đứt hết, ngực gầy cứ phơi ra.  
Thôi rồi mừng hết chỗ nói! U tôi đã mang áo quần mới về. Con nhà nghèo, khỏi phải đến hàng may. Chiều qua, u tôi bảo tôi cởi trần một buổi cho nó mát, người lẳng lặng mang tấm áo vá của tôi ra hàng may, ông thợ cứ thế mà may áo mới bằng cách nới rộng, nới dài mỗi bộ phận ra một tí... Tôi mặc liền áo mới, chạy ra ngõ, những mong có một đứa bạn nào trông thấy rồi sẽ cởi áo cất đi chờ Tết. Ngõ hun hút tre xanh...  
Bố tôi đi đụng lợn đã về. Ông ngồi lom khom trên tấm phản lim đen bóng, rít một hơi thuốc lào, nõ điếu kêu lên tóc tóc vui vẻ, ngửa mặt lên trời khoan khoái để thở khói thuốc xanh mờ. Xong, ông bảo: "Nhà ta năm nay ăn Tết to cu ạ. Bố đụng những một đùi lợn đấy!". U tôi đang ở ngoài bậu cửa bỏm bẻm nhai trầu, nghe thấy thế vội nhổ bã trầu, chen vào: "Chết, chết... nhà mình vụ này mới đủ thóc ăn. Ông đụng nhiều thế, ăn nó phí đi...". "Thôi bà ạ, đói cả năm cả đời, ai đói ba ngày Tết? Bà để yên cho chúng nó vui...". U tôi nghe bố tôi nói vậy, lại lấy trầu cau ra têm, ngồi chậm rãi nhai, mắt sáng những tia vui.  
Tiếng lợn kêu eng éc lúc bị trói giò, hay ò ò ò... hộc hộc lúc được hóa kiếp cuối năm đây đó đã vang lên, bị lũy tre làng ken dày cản lại, như hất ngược lên trời. Từ sớm "ông Táo về trời" (23 tháng Chạp), tôi đã nôn nao hỏi bố bao giờ thì con lợn đụng nhà tôi được thịt. "Sáng 29. Trưa, bố sẽ cúng tổ tiên". Thành thử bữa ấy tôi phải trần truồng lội xuống ao xuân lạnh giá, lấy chân khua nước, tay đập gậy trên mặt nước lùa cá vào vó cho bố. Được vài con cá. Rán giòn hết. Chỉ tiếc và không hiểu sao bố tôi giữ con cá chép lại, con chép to nhất, ngon nhất, cúng xong, đem ra sông thả. "Để cho nó hóa rồng con ạ. Rồi con rồng ấy đưa ông Táo, bà Táo về trời... Họ quanh năm vất vả khói rạ rơm, giờ về trời báo tin vui nhà ta hết đói, kể cũng sướng! Bố cứ nghĩ bao nhiêu năm nay vợ chồng ông Táo nhà mình không nỡ kể cảnh nhà ta! Giờ thì...". Bố tôi buông lửng câu nói, tay đặt cả cái chậu có con cá chép, dìm xuống bến sông, mắt lại hướng lên trời đang giăng đầy mưa bụi...  
Rồi cái ngày mong đỏ mắt ấy, cái ngày hăm chín tháng chạp quyến rũ ấy, cũng đến. Cả nhà tôi dậy từ lúc sáng mờ. Tôi mang một cái rổ tre theo bố. Con trai trưởng có khác, được quyền nhận và bê rổ thịt về nhà... Tôi vẫn còn nhớ như in, con lợn năm ấy mõm ngắn cũn, lông đen nháy và xoắn tít, thân thon, bụng hóp - giống lợn ỉ chậm lớn - chỉ vẻn vẹn chưa đầy ba mươi kí lô. Dù vậy, tôi vẫn đủ để hãnh diện với đám bạn nghèo: nhà tôi đụng một đùi lợn! Lớn bé gì thì một đùi lợn cũng vậy mà thôi. Một đùi lợn!...  
Một đùi lợn có nghĩa là một con lợn đấy! Đủ một phần từ thủ lợn, lưỡi lợn, vai, mông, chân giò, tim, gan, phèo phổi... " Ông cha mình nghèo ăn lấy thơm lấy thảo, ăn lấy hương, lấy hoa... chẳng cốt no, chỉ cốt đủ...", bố tôi bảo thế. Cái no và cái đủ, về sau đi học, vào đời... tôi vẫn nhớ như một lời răn. Cái no dành cho kẻ đói, cái đủ dành cho kẻ thanh. Kẻ thanh liêm, thanh cao, thanh đạm... hướng về cái đủ theo nghĩa tinh thần. Người thờ tổ tiên trọng tinh thần hơn vật chất, không thể không cố lo cho đủ lễ, nếu có điều kiện. Lúc nghèo, chỉ một bát nước trong, một nén nhang cũng là đủ. Về ý này có lần tôi đã hỏi bố tôi. Bố tôi vuốt râu, cười mà rằng: "Tổ tiên ta vốn rồng tiên. Rồng ở nước. Tiên ở núi. Bát nước trong là biển. Nén nhang là rừng cây thu nhỏ lại... Đặt hai vật ấy gần nhau, khác gì làm một bài thơ... Cụ đồ có dạy con vậy không?". Tôi lại lấy một bát nước trong, thắp một nén nhang cắm vào bát nhang hình như đôi lúc nhãng khói hương... Bên tai đã thoảng lời bố, áo chùng, khăn đóng, kính lão giương lên cuốn bài vị: "Việt Nam Dân chủ Cộng hòa... Nhất thứ Nguyễn Văn đồng gia đẳng... lòng thành dâng... tiên tổ... quốc gia...". Mỗi lời là một tiếng "sít... suýt" thoát ra từ hai kẽ răng dính lại, lưỡi đẩy lên vòm ngạc, suýt xoa thành kính. Trước tiên tổ, bố tôi chỉ nhìn vào cuốn bài vị, đọc xong bao giờ người cũng cúi đầu, mắt nhìn xuống ngực nhưng không mở to, tiếng cứ nhỏ dần, nhỏ dần...  
Tôi chỉ thực sự biết bài văn cuối năm kết thúc khi bố tôi phủ phục xuống nhiều lần rồi đứng lên trang trọng rót rượu từ cái chai đã mở nút lá chuối hột vào các chén mắt trâu, so đũa, kêu tôi đơm cơm cúng, múc nước trong...   
Chợt tỉnh nỗi niềm, tôi hốt hoảng nhìn đồng hồ. Ô, không mang theo! May thay, quay lại chợ, cô bé bán hàng vẫn còn chờ, trách: "Con mong chú đỏ cả mắt. Cứ ngỡ... Song nghĩ người tỉ mỉ thế, không thể sai lời!"... Tôi ậm ừ xin lỗi. "Con lo đủ rồi đó. Chú cứ yên tâm. Y chang lời chú dặn...". Giỏ thịt lợn Sài Gòn cũng y như rổ thịt lợn năm xưa! Khác là tôi đã lớn, đã phong trần, tóc đã muối tiêu...  
Cho đến lúc mâm cỗ tất niên vợ tôi bày lên bàn thờ, tôi bỗng hốt hoảng thấy không có trên dĩa lòng những lát tim nâu đỏ, mịn màng. Xem kỹ, vẫn không thấy...  
Dặn vợ qua quít, tôi phóng xe ra chợ. Cô bé mếu máo bảo: "Con đợi chú hoài... chỉ sợ chú hiểu lầm, tội nghiệp con. Trái tim này, tiếc không phải của con heo đó. Con xin lỗi, xin lỗi... Con xin biếu...". Tôi nói thế nào cô bé cũng nhất định không nhận tiền. Giữa Sài Gòn gió bụi, tôi bỗng như gặp lại dáng xưa chân chất, thật thà nơi khoai lúa...

**Nguyễn Quốc Văn**

Thao thức nỗi niềm quê

**Con trâu thời thơ ấu**

**M** ột buổi sáng tháng tư xanh lọc sau cơn mưa đầu hạ. Lúc ấy, tôi lên sáu, nhởn nhơ bắt bướm, chơi chọi cỏ gà một mình...để bà và u rảnh tay tát nước cho đám ruộng lúa cạnh mương nước ngang với con đường đất cát dẫn vào làng. U tôi bỗng buông dây gầu, mừng rỡ kêu lên: "Bố thằng cu đã về! Mua được trâu rồi, u ơi...". Bà tôi mất đà, ngã ngồi xuống cỏ. Cái gầu rơi "tùm", nước bạc bắn lên tung toé. U tôi lội qua sòng đỡ bà dậy. Rồi, vừa xuýt xoa, vừa le te chạy lên đường, u dừng lại chỗ bố. Bố tôi vẫn còn đứng ngẩn ra, nới tay buông lỏng sợi thừng, khiến con trâu có dịp vươn cổ, nghênh đầu, phô ra cái lợi sún...Tôi được bố bế đặt ngồi chỗm chệ trên lưng trâu. Bà tôi đưa bàn tay mồi vuốt vuốt những sợi lông thưa trên mặt da đen bóng của con vật. Bố nhìn u âu yếm, giọng lạc đi: "Trâu nhà ta đấy...". Tôi tụt từ trên mình trâu xuống. Như đã nhận ra người chủ nhỏ, con trâu gại gại đầu, rồi thè cái lưỡi ráp như lá lúa, liếm liếm vào tay. Trâu tỉnh Thanh sừng cong chuối ngự, cổ cò, bụng hóp, mông nở, chân thon gióng trúc...Kéo cày khoẻ lắm đây! Bà tôi vừa cười, tay run run xoa đầu cháu, thì thầm vào tai tôi: "Vậy là bố cháu tam thập nhi lập, làm nhà, cưới vợ, tậu trâu...Có chí, mấy nả mà giầu tiền kho thóc đụn...". Con trâu mở to đôi mắt lờ đờ, cúi đầu như đang ngẫm nghĩ về ước vọng mà cả nhà tôi đã ngầm đặt lên vai nó.  
Tôi nhập bọn và trở thành một trong những trẻ trâu với nhiều trò nghịch ngợm thơ ngây từ thuở ấy. Sáng, dắt trâu từ chuồng ra khỏi ngõ, chúng tôi í ới gọi nhau, thong thả dong những con vật hiền lành qua cái cổng làng rêu phong cổ kính trổ lối ra đồng . Hai bên cổng, tre ken dày thành luỹ, bao bọc lấy làng xóm. Tre như chiều lũ trẻ, che khuất những việc làm dại dột nhưng thú vị của chúng tôi...Ông mặt trời đỏ rực đang cười, khoảng trời xanh đã mở cho cánh chim bay, con đường đồng vắng lặng như mời, như gọi vó câu. Nhớ chuyện Đinh Bộ Lĩnh, chẳng đứa nào bảo đứa nào, chúng tôi cùng cúi rạp trên mình trâu, nhất loạt ra roi dâu. Những con trâu ban đầu còn lộp cộp lộp cộp nước kiệu, về sau, hứng khởi bởi tiếng la hét trẻ thơ, chúng cất bốn vó lồng lên phi nước đại. Gió ù ù bên tai, hất tóc ngược về phiá sau. Đất nâu trắng phớ tung bụi,lúa đồng xanh chấp chới như vờn như giỡn...Thầy giaó khai tâm của tôi phong thanh biết chuyện, cười, khuyên: "Các con muốn nhanh nên người thì phải học. Chữ nghĩa chính là cái cổng làng và con đường dẫn vào cuộc đời. Sự cố gắng, nỗ lực, chẳng qua cũng chỉ là một cách phi trâu lồng mà thôi..."  
Nhớ lời thầy, chúng tôi thả trâu gặm cỏ trên cồn, để mặc cho tiếng mõ lóc cóc xa dần, những cái nón mê chụm lại quanh một cuốn sách: "Ai bảo chăn trâu là khổ?...". Tiếng ếch nhái uôm uôm lẫn vào tiếng cá quẫy lóc bóc trong các ruộng lúa. Sau khi đã thuộc nằm lòng bài học, tháng tư tuốt rờm lúa, tháng tám nhổ cỏ khô, chúng tôi nướng những con cá mò được, bày cỗ chơi trò việc làng, việc họ, việc cưới cheo...Lá nhọ nhồi,tro nướng cá và đất sét thế mà được việc! Lấy những thứ đó vẽ lên mặt là có đủ cả lý trưởng, tiên chỉ họ, chú rể, cô dâu...Chơi chán thì thả đỉa ba ba, rồng rắn lên mây hay giả làm trai gái làng hát chầu, hát ví...Vừa cười đã khóc, vừa mới giận hờn đã vội làm quen...Rồi lớn lên, kẻ đi xa đau đáu mong ngày trở lại chốn xưa, người ở lại khắc khoải bấm đốt ngón tay đợi bạn vong niên. Gặp nhau mỗi độ xuân về, tết đến, cười nhăn cả má, nước mắt cứ trào ra, người này thương kẻ kia tóc sớm bạc, người ở quê xót người nơi góc bể chân trời...  
Tôi có mấy người bạn ba mươi năm qua vẫn còn trong quân ngũ. Mỗi khi có dịp, các anh ấy vẫn nhắc lại trò chơi trận giả thuở âú thơ. Vào tháng mười một, ruộng cày lên xếp thành những luống ải, gió bấc hanh hao đã làm đất nỏ tom. Đám con trai chia làm hai phe ta và địch, len lỏi đuổi theo nhau trong từng luống đất. Dĩ nhiên, "đạn" chỉ là đất ải nhào với nước cho nhuyễn vo lại. Đám con gái thì được cử làm cứu thương , lo việc hậu cần...Tôi chơi xấu, cố tình nhô người lãnh đạn, để được đám con gái khiêng lên cồn, nằm khểnh nhai ngô rang giòn tan,thơm nức..Về sau, trò này bị lộ. Chúng bạn phạt bắt tôi làm máy bay địch, đạn súng nhỏ bắn không tới, miệng ù ù trong suốt cuộc chơi. Thấy tôi giang hai tay liệng đi liệng lại, mấy con trâu đang thản nhiên gặm cỏ nhất loạt ngửa mặt, nhăn mũi, cười chế nhạo: "Ngò...ngò...ò..."  
Vào một vụ tháng sáu, tôi thả diều trên cồn. Tiếng sáo lơ lửng neo giữa tầng trời cao vời vợi, mênh mang. Bố tôi đang cày một chân ruộng dầm, đất lật loang loáng qua diệp cày sáng bạc. Con trâu hục hặc đi trong chang chang trời nắng, thi thoảng đưa lưỡi liếm nhanh một mầm lúa sót. Bất ngờ, nó dừng lại, ngẩn ra nghe những thanh âm lạ. Cột dây diều vào cọc buộc trâu, tôi lội xuống ruộng , xin bố cho tập cày một sá. Trao tay cày cho tôi, bố dặn cẩn thận, rồi lên cồn, giở điếu cày, vê thuốc, châm đóm hút. Con trâu nghe tiếng nõ điếu reo, không đợi tôi giục "vắt, vắt", gằm mặt xuống đi băng băng ...Tay yếu, không đủ sức ấn seo cày, tôi để lưới cày lướt trên mặt ruộng. Cái cày đổ, kéo tôi nhào về phía trước. Nước dềnh lên, cuộn sóng. Bố tôi mới kịp "họ" lên một tiếng, con trâu đã thoắt dừng lại, lưỡi cày như một cái lá đa sắc lẹm lệch sang một bên. Con vật phì phò thở, quay lại nhìn chủ,đôi tai vẫy vẫy. Bố đỡ tôi dậy, tháo ách trâu. Con trâu thơ thẩn gặm cỏ quanh cái cọc tôi đã buộc dây diều. Ngỡ sợi dây phát ra thanh âm réo rắt, con trâu dỏng tai, cọ cọ sừng vào đó. Dây đứt phựt, cái diều chấp chới theo chiều gió, tiếng sáo cuống quýt, ngắt quãng. Tôi chạy theo hướng diều rơi, vớt được diều ở một ao bèo, lên bờ đã thấy con trâu đang cúi đầu uống nước, cái đuôi chổi sể ngoe nguẩy vẫy...  
Tháng Chạp rét cắt da cắt thịt. Khoác áo tơi lá móc, chúng tôi nằm phủ phục trên mình trâu. Da trâu mốc trắng, khen khét, hâm hấp nóng. Thương trâu, bố tôi lấy bao tải may cho nó một cái áo. Thế mà, mỗi khi gió bấc ào ào từng đợt xô tới, con trâu thoáng khẽ rùng mình. Đêm, cửa chuồng được che kín bằng các phên rạ, trâu nằm trên ổ rơm chóp chép nhai trầu.   
Tôi nhớ năm nào cũng vậy, ba ngày Tết, mỗi buổi sáng bố đều bảo tôi mang cho trâu một cái bánh chưng . Con trâu ngoạm dần từng miếng bánh trên tay người, vừa từ tốn nhai vừa nhìn tôi, ứa nước mắt.  
Thấm thoắt ngày nào mà đã mấy mùa hoa đào nở! Con trâu cần mẫn cùng bố tôi cày bừa hết đám ruộng này đến đám ruộng khác. Ngày mùa, nó nhong nhong kéo đá lăn trục lúa, ngày dưng, nó theo bố tôi kẽo kẹt đẩy che đạp mía thuê cho một lò đường ở làng bên cạnh...Dẫu chưa dư tiền kho thóc đụn như bà mong ước, bố tôi đã lấy làm đắc ý vì nhà được tiếng thơm là hộ khá giả trong thôn...  
Cho đến một tháng Ba năm Hợi, trong lễ hội chọi trâu dâng cúng thần làng, con trâu nhà tôi đứng đầu sới . Lời khen chưa dứt, lại đã tháng Ba năm Tí. Lần này, nghe tiếng reo vỡ trời vỡ đất của dân làng mừng con trâu nhà thằng bạn tôi thắng cuộc, bố tôi bưng lấy mặt, tôi không kìm được nức nở, nhìn qua nước mắt cảnh con trâu thân yêu bị nhốt trong gióng. Nó sẽ được hóa kiếp vào đúng lúc ba hồi trống hội kết thúc, báo hiệu giờ tế lễ thiêng liêng bắt đầu...  
Da trâu đem thuộc, bưng cho mỗi xóm trong làng một bộ trống. Cái trống to nhất, làng đem tặng cho trường cấp một cuả xã. Năm ấy tôi học xong lớp bốn. Ba hồi trống bế giảng đã vang lên. Lòng nao nao, tôi nghĩ con trâu thân thuộc vẫn còn đang bên cạnh, nhắc cho biết thời thơ ấu đã qua...  
Lớn lên, tôi có nhiều dịp đi suốt chiều dài và chiều rộng của đất nước. Không ít lần, tôi đã từng ngẩn ngơ ngắm những đàn trâu Hàm Yên, Phong Châu, Thạch Thành, Anh Sơn, Đức Thọ, Bố Trạch, Bảo Lộc, Lâm Hà...đi trong ngân nga tiếng sáo mục đồng bảng lảng lẫn vào nền chiều tím ngắt hoàng hôn...Cũng có lúc, nhìn dáng núi non, tôi bồi hồi ngỡ đó là dáng đàn trâu làng tôi đang thung dung gặm cỏ trong mênh mông trời đất. Nghe tiếng sấm đầu mùa báo đất trời rẽ lối, tôi tưởng mặt trống da trâu nhà tôi còn rung lên đâu đó, đủ âm vang để làm náo nức tất cả các lễ hội mùa xuân...

**Nguyễn Quốc Văn**

Thao thức nỗi niềm quê

**Rét gió chiều người ...**

**B** ất chợt, gió bấc về. Lá cây bàng trước cổng trường từ vàng chuyển màu đỏ sậm, lúc rời cành lá đã héo khô, cuộn lại lăn trên mặt đất khô rang xao xác. Hết tiết học của học trò, tôi khoác cái măng-tô bằng dạ xám ra đứng lặng cùng dãy hành lang tầng một. Trong gió rét, những cành bàng vươn ra như những cánh tay gầy. Những cánh tay xua gió, gọi nắng ấm. Trong âm thầm thớ vỏ, nhựa cây dồn ngược lên ngọn chống giá lạnh, sương muối.  
Chiều. Tôi dẫn học trò đi xem rối nước Nam Xang. Bảo là rối nước mà lại diễn trên cạn, trong sân nhà trưởng phường. Các con rối mới được sơn phết lại, sơn gặp gió lạnh, nứt ra những vết rạn tự nhiên. Mặt mũi, tay chân thú Tễu nứt nẻ như mặt người đi cấy đồng xa. Thế mà cứ đỏ hồng lên ... Phường rối lưu diễn trong cả nước suốt từ mùa xuân cho đến tháng tám, tháng chín. Tháng mười các nghệ nhân về gặt lúa mùa, sửa sang cho các nhân vật, có khi sửa luôn cả tích diễn. Hôm ấy, chúng tôi xem Lưu Bình - Dương Lễ. Những người hát chèo ẩn trong nhà, nhìn ra, hát theo điệu bộ. Lúc trở về, qua hồ nước trước đình làng Nam Xang Hạ, đã thấy dựng sẵn đồ diễn trò cho rối nước xuân.  
Đồng quê lốm đốm nâu. Người đi bừa, đi cấy mặc những cái áo bông chần màu xanh hoặc màu cỏ úa, có người khoác cả áo tơi lá móc. Người đi bừa lặng lẽ theo trâu, bước chậm rãi, gió lùa vào lá áo tơi loạt xoạt. Những đám ruộng đã cấy, mạ chưa kịp bén rễ, vàng úa, ngả về hướng Nam.  
Tới cây đa đầu làng Nam Xang Thượng, học trò ùa cả vào quán nước chè xanh, mua kẹo bột. Lọ kẹo bột của bà lão bán hàng hết nhẵn. Đám trẻ xuýt xoa, thích thú ngậm kẹo. Đứa nào đứa ấy đỏ bừng cả mặt. Kẹo bột nấu bằng đường mía, mạch nha và nước gừng lọc, vừa ngọt, vừa cay. "Xấu mã nhưng nó tốt lòng. Ăn ấm lắm!", bà lão vừa rót nước vừa bảo tôi như vậy. Chè tươi sóng sánh khói. "Ông giáo dẫn các cháu đi xem tích phải không? Aà, tôi còn cái này... mời ông giáo xơi tạm". Tôi chưa kịp từ chối khéo, bà lão đã đon đả mời trước : "Cái này không bán. Chỉ biếu ...". Bà đặt trước mặt tôi mấy cái bánh đậu xanh. "Bánh đậu xanh Ngọc Anh đấy...". Tôi đã biết tiếng đậu xanh Ngọc Anh, Hanh Tụ qua thơ Tú Xương. Thậm chí còn biết rõ ông Ngọc Anh quê làng Nhang Cát (Trực Ninh) nhờ buôn bán thật thà mà đậu xanh hương sắc ngọt cả trong thơ. Nghe phong thanh, về sau ông có cửa hàng to lắm ở phố Tràng Thi, Hà Nội. Có một người con gái của ông, cô Tuyết, lại theo nghề giáo, kết duyên với một "ông tú" dạy học cùng tôi, suốt ngày thơ phú. Giờ cũng đã hơn sáu mươi cả. Tôi đã đọc một cuốn sách cô viết về những thăng trầm nhà Ngọc Anh, văn chương đồng quê chớm mùi thị thành nghe man mác... Tôi biết làm bánh đậu xanh, tưởng dễ mà khó. Chọn đậu xanh ở đâu, đậu thu hoạch vào vụ nào, tháng nào, phơi bao nhiêu nắng, rang và ủ trên lửa ra sao, thắng đường trộn bột, tra hương ... mới nghe qua nghĩ là công việc văn chương, nghệ thuật, chẳng ai nghĩ đó lại là một nghề làm bánh ... Thành ra, nhấm một mẩu bánh đậu xanh, đầu lưỡi thấy ngọt mát, hương đồng trong thanh quấn quít ngấm vào hồn. Trong gió bấc ù ù thổi trên ngọn đa già, tôi thấy lòng mình ấm lại. Bà lão cho thêm củi vào bếp, than lách tách, lửa bùng lên ...  
Buổi tối, tôi ngồi đọc thơ Nguyễn Khuyến. Cố tìm trong những vần thơ thanh khiết, trong veo như nước ao mùa thu có chỗ nào viết về mèo, về chuột không, hầu tìm cách bình bài "Con mèo mà trèo cây cau..." mà không thấy. Thôi đành đánh vật với câu chữ, ý tứ theo kiểu dân cày. Tôi làm văn cũng như đi cày, đi cuốc vậy. Nhọc mệt mà đôi khi thấy mình toàn nói chuyện tào lao. Cũng cực khổ như làm bánh đậu xanh mà thôi! Có điều, bánh đậu ăn ngon ngọt mà văn chương tôi trầm lặng quá, cứ hướng về xưa. Nghĩ cũng tủi và thương mình ! ...  
Nhưng mà, buổi bình văn đầu xuân đã hẹn. Dù cày xới ra sao, ngày ấy vẫn phải lên đàn. Miệng cười rõ tươi cho mắt lấy lòng, tay vung làm bộ giả say để che chỗ ý nông choèn. Rồi lời văn tuôn ra như mây, như khói, quên cả giờ người khác, chủ tọa phải giơ tay làm hiệu cũng chưa chịu xuống ... Bấy giờ mới có văn. Nói theo cảm hứng. Bài bình văn viết cạn cả bình mực, giờ gió lật nghiêng sang một bên ... Tưởng tượng cả! Mới vào tháng chạp, tiết lập xuân.  
Có người gõ cửa. Vợ tôi ra mở và kêu lên : "Ông Tú!". Gọi thành quen chứ thực ra "ông tú" không phải là một cái tên thật. Học qua đại học, già dặn trong làng giáo như ông phải là ông cử kia. Gọi "ông tú" để nhắc đến một tính cách thành Nam. Người khách văn chương ôm trong lòng khư khư một bọc. Thơm nức. "Cho cậu cái này mà thưởng Tết". Vừa nói, ông Thang Ngọc Pho vừa mở bọc, đưa cho vợ tôi những gói vuông hình chữ nhật: "Tớ vừa đến nhà Thọ. Cậu ấy gửi cái này ...". "Sừu Châu?". "Còn cái gì hơn nữa?", ông Thang hỏi lại và cười tinh nghịch. Rồi bảo: "Còn rượu nếp Hải Hậu, đem ra nhắm thử chơi!". Ai lại uống rượu với kẹo lạc Sừu Châu? Có mà rượu đổ lỗ chuột! Có mà bỏ kẹo xuống sông! Sừu Châu, chỉ có ở Nam Định. Nghề truyền không được. Cũng là lạc rang, đường, mạch nha, va-ni... mà người làng Nam Xang Thượng chỉ nấu được thành kẹo lạc, ăn xong vẫn còn cái gì đó dính ở răng. Kẹo Sừu Châu không vậy. Cắn nhẹ đã vỡ tan, giòn mảnh mà mềm mại, ngọt mà thanh, thơm nhẹ mà vương lâu... Tôi đã xem anh Thọ, người con trai được cha truyền nghề duy nhất, nấu Sừu Châu. Không khác gì cách nấu của làng kẹo Nam Xang Thượng. Khác chăng là cách chọn thời điểm đường và mạch nha tan kết, keo lại, gặp lạc rang ủ nóng và khí lạnh của tiết đông mà tạo nên vẻ riêng. Ông Thang nói đó là việc làm thơ. Thơ chỉ ra khi nhà thơ có hứng. Thơ khác với văn vần vì trong thơ có hồn. Hồn nhạt nhẽo, thơ chẳng đáng dùng gói kẹo Sừu Châu ! Về ý này, có một lần tôi hỏi Lưu Trọng Văn, nhà báo, con trai nhà thơ Lưu Trọng Lư : "Này, hồi nhỏ, ông già có dạy ông làm thơ không?". "Không", "Sao vậy nhỉ?". " Ông cụ mình bảo làm thơ không dạy được. Đó là tiếng thổn thức của con tim. Có ai dạy nhau cách làm cho tim thổn thức không?". Khó thế đấy ! Thơ không thất truyền. Sau Lưu Trọng Lư, lớp lớp nhà thơ xuất hiện như măng mọc. Còn "Tiếng thu" chỉ có một! Liệu Sừu Châu trong đời có như thơ? Mà sao vắng bóng? Mà sao anh Thọ chỉ làm để tặng bạn bè vào dịp Tết? Anh là cán bộ ở Sở Văn hóa và Thông tin Nam Hà, văn thơ kể cũng đã đầy mình. Riêng bài thơ cha truyền lại, vị ngọt mới ít người được nếm!  
Sáng hôm sau, người cho kẹo rủ tôi và ông Thang Ngọc Pho ngược đường Hưng Yên lên đê Hữu Bị, qua dốc Lốc, đi cầu gỗ Mỹ Hà sang Nhân Hậu, đến làng Đại Hoàng của Nam Cao. Cái lò gạch cũ còn đó như nhắc Chí Phèo, Thị Nở. Tre làng xào xạc, cót két nhớ trăng suông ... Tôi bất giác nhìn ra ruộng mía. Mía dành bán Tết. Mật ứ từng gióng, căng nứt ra. Nhớ thuở nhỏ, đi qua ruộng mía không dám chặt trộm, chỉ ghé răng vào cắn, mật ngọt ứa tràn loang cả ra má, đến trưa vẫn còn dẻo dẻo...Vườn nhà Nam Cao trồng nhiều chuối ngự. Thứ chuối quả chỉ bằng ngón tay út, bóc vỏ ăn, hai ngày sau tay vẫn như xức dầu chuối. Thân chuối héo tom, xơ xác. Tôi nghĩ chuối mẹ đã dành hết cho con tất cả sinh lực nên héo tàn như vậy. Nam Cao dồn hết tinh túy hồn mình vào văn chương nên ông thường ít nói, về quê thích ngồi trên cầu ao rửa bát cho vợ, chân thõng xuống nước, mắt nhìn vườn chuối, đứng dậy trở vào nhà trong, rổ bát chưa rửa vẫn bên bờ ao...  
Cho đến một hôm, các bạn tôi đến chơi- nghiêng ngó, chỉ cây bàng. Những búp nâu đã bật. Những ngọn nến mùa xuân... Mấy đứa học trò yêu của tôi thập thò, đùn đẩy nhau đi xin phép thầy được tổ chức cho cả lớp đi xem múa rối nước. Mồng ba, chúng kéo nhau đến chật cả nhà tôi chúc Tết. Và để ăn lấy may! Trong nhà có bao nhiêu bánh chưng, kẹo Sừu Châu, chuối ngự... vợ tôi dọn ra hết mà vẫn còn thiếu. Tôi chợt nhớ và vội chạy ra đầu phố. Bà cụ Thép bán nước trà đã mở hàng bên cây si già đền Giếng. Mở hàng cho cụ lọ kẹo bột... Đám trẻ ngây thơ nhai kẹo ráu ráu. Đường ngọt, gừng cay... Tôi biết: Sau này, dù ở đâu và trở thành ai, nhiều em vẫn còn nhớ sáng mồng ba ấy, gió rét chiều người, khiến cái gì ở nhà thầy giáo nghèo cũng ngon, cũng ngọt. Cũng như tôi, mỗi mùa xuân, các em sẽ nhớ mãi mối tình quê, tình người nồng hậu nơi quê nhà mà lớn lên ...  
Xuân. Tôi đến thăm ông giáo già Thang Ngọc Pho. Cho đến khi ông kêu lên: "Nhớ rét quá!", tôi đã lặng đi trong giây phút. Tôi hiểu ông đang da diết nhớ những ngày xuân xưa nồng ấm, dù ngoài trời gió bấc lạnh tung ngược lên trời muôn ngàn hạt bụi của mưa. Ơ kìa, mắt ông giáo sao lại có ngấn nước! Sương xuân trên lá? Nếu có rét, hoa mai góc nhà kia ắt sẽ chúm chím cười!

**Nguyễn Quốc Văn**

Thao thức nỗi niềm quê

**Xuân ở làng Thượng Văn**

**S** áng ba mươi tháng mười một lịch trăng, bố tôi lọm cọm thuê xe lên Biên Hòa thăm ông bạn già vốn là nghệ nhân chuyên vẽ hoa văn trên gốm sứ.  
Chiều, người về, gọi lũ cháu lễ mễ khiêng từ xe xuống một gốc mai già. Người giữ khư khư trước ngực một bó tranh. Tôi trịnh trọng đặt cây mai vào cái chậu lớn. Đã non tơ những lộc non lá mới, lác đác xòe vài bông vàng e ấp... Bố tôi giở cuộn tranh, treo trong phòng riêng. Tranh vẽ trên giấy dó đã ố vàng. Bố tôi nói những bức vẽ này, người bạn già mang vào Nam từ những năm bốn mươi. Tuổi cao sức yếu, ông chọn người truyền lại cho đời...  
Nửa đêm, tự nhiên tôi tỉnh dậy, giật mình khi thấy bố thao thức, lúc đến gần các bức tranh ngắm nghía, lấy tay sờ sờ lên mặt giấy, lúc thẫn thờ ngồi vào bàn viết, viết những câu thơ về hoa đào, hoa lê bằng chữ Hán thất thần...  
Tôi đoán bố tôi đang sống lại thời tuổi trẻ còn ở làng Thượng Văn ven sông Hồng. Con nhà Nho hay chữ nhưng bố tôi lại mê vật võ. Hội vật làng tôi chỉ mở vào tháng 3 và tháng 8, lúc nông nhàn. Tết, để cho có đủ mọi cuộc vui, làng bày sới phụ để trai làng tỉ thí cho vui chứ không có giải. Sới vật trên diệc mạ, cạnh cây đu tre, cạnh sân đình đã kẻ sẵn các ô cờ người... Cái diệc mạ ấy cũng là nơi họp chợ Thượng. Nó ở đầu làng Thượng Văn nhưng là cuối làng Thượng Võ và Thượng Lễ. Chợ chỉ họp hai phiên cuối năm và đầu năm. Vật võ tàn vào phiên chợ cuối và được mở lại ngay sau ngày họp chợ đầu năm. Tục này có từ bao giờ, không ai rõ.  
Bố tôi lúc trai tráng là một đô vật nổi tiếng cả tỉnh Nam. Người thấp bé, nhẹ cân. Âấy vậy mà người đã làm lấm lưng không biết bao nhiêu đô vật cao lớn, nặng cân hơn trong vùng. Vật võ được gọi là toàn bích khi cả ba keo phải hạ đối thủ như mèo bị cắt tiết. Thế mà bố tôi chỉ thắng keo đầu và keo cuối. Những đô thắng người keo giữa, không có ai không xá người ba xá, tỏ ý mến mộ. Hồi còn nhỏ tuổi, một lần tình cờ gặp bức "Đánh vật" của họa sĩ Nguyệt Hồ, tôi cứ ngớ người ra. Đô vật trong tranh có gương mặt hao hao giống khuôn mặt bố tôi. Cái cười rõ tươi, thân thiện. Tôi hỏi có phải ông Nguyệt Hồ lấy người làm mẫu vẽ chăng, bố tôi bảo không phải. Người chưa bao giờ làm mẫu vẽ. Nếu có chăng, ông Nguyệt Hồ đã cảm xúc trước những keo nổi tiếng của người năm 1939 bên bờ hồ Vị Xuyên mà vẽ nên. Ơở đấy, người lần lượt thắng các đô vùng Sơn Tây, Bắc Ninh, Hải Dương, Hải Phòng, Thanh Hóa... Bức vẽ ấy bây giờ ở đâu? Hồi còn ở Bắc, tôi theo trí nhớ tìm về nhà có treo tranh. Mấy chục năm mờ xa, trong nhà không ai còn nhớ. Tôi nao nao nhớ Nguyệt Hồ, họa sĩ nhỏ thó, cười nheo nheo mắt vào cái lần tôi vô tình nhắc đến tên ông mà không hề biết ông đang ngồi trước mặt ở ngõ Văn Nhân...  
Có lần bố tôi giảng cho tôi nghe về tranh. Bộ tứ bình treo ở nhà tôi vẽ trên lụa Hà Đông. Người vẽ vẽ bằng bút lông và chỉ bằng một thứ mực Tàu đen ánh, được mài thật kỹ trong rượu nếp hương vùng Hải Hậu. Phỏng đoán thế thôi. Hư thực ra sao không rõ. Nhưng chỉ thứ rượu ấy mới làm tan được thứ mực rắn như đá núi Đọi Sơn kia. Những hình ảnh tương ứng trên tranh là đào, sen, cúc, tùng hay các loài chim: én, đỗ quyên, thiên nga, hạc... tượng trưng cho xuân, hạ, thu, đông. Bộ tứ bình nhà tôi độc một thứ cây - cây trúc. Và ao, ngõ, mái tranh, thằng bé mục đồng ngồi trên lưng trâu thổi sáo, ông lão ngồi câu khật khưỡng dưới trăng. Tôi lấy làm lạ là bộ tranh gọi là tứ bình kia, chỉ có ba bức. Hỏi bố thì người chỉ vào ba bài thơ Nôm Nguyễn Khuyến ("Thu vịnh", "Thu điếu", "Thu ẩm") đề ở phía dưới ba bức tranh và bảo riêng bức có bài "Thu vịnh" ít nhất đã là hai bức rồi. Thu ban ngày. Thu ban đêm. Hay là Thu xưa, Thu nay... "Con nhìn kỹ xem. Nào, con có thấy ánh mặt trời đang ló và trăng đang lu ở hai đầu ngõ trúc ?". Tôi hỏi thêm: "Bố ơi! Sao nhà ta không có bức tranh nào vẽ mùa xuân?". Bố cười: "Mùa thu gói đủ bốn mùa rồi con ạ. Này nhé, sáng là xuân, trưa đã hạ, chiều: chính thu và đêm đã có hơi hướng tiết đông...". Sớm mai, tôi thức dậy sớm, sương thu còn mờ ảo, hơi lạnh, vườn cúc bông vàng rung nhẹ gió: xuân... "Xuân trong lòng ấy con ạ. Lòng xuân thì đã mùa xuân...". Vui quá! Bố cho vài xu mua cốm xanh bọc lá sen. Âấy là vào thu. Còn vào dịp Tết, tôi chạy vù đến nơi có đám đáo lỗ của trẻ trong làng. Tiếng xu cái chọi vào xu con lách cách, đồng xu còn nảy lên cùng niềm hân hoan thắng cuộc. Rồi đứa nào thắng, mua bún chiều chấm mắm tép với nhau ngoài đồng...  
Bố tôi nói bức "Đám cưới chuột" chính là bức vẽ đám cưới của chú tôi đấy. Chả là chú tôi tên Tý. Trong đám cưới chú tôi thì chuột lại lấy mèo. Chú tôi mê cô Mão. Nhưng bố cô Mão lại khăng khăng chỉ gã cô Sửu cho chú. Mặc kệ! Cô Sửu thương em, bèn bàn với chú tôi, cứ nhận lời lấy cô thì sẽ lấy được cô Mão, sau ra sao, cô sẽ liệu. Đám cưới vui vẻ y như trong tranh. Chỉ khác là cô Mão lên kiệu thay cô Sửu. Hôm sau, bố cô Sửu nhìn kỹ, biết mắc hợm con, nọc cô Sửu ra đánh ba chục roi, dọa gả nốt cho chú Tý... Thím Tý tôi có dễ hai năm không dám về nhà bố. Lúc em họ tôi là thằng cu Tẹo biết bập bẹ: "Ôông ơi..." thì ông ngoại nó cũng hết giận thím tôi. Ông quí cháu như vàng, bắt chú thím tôi cho ông nuôi nó. Chỉ thương cô Sửu! Sau vụ tai tiếng ấy, trong làng không ai dám lấy. Cô bỏ vào Sài Gòn. Trời thương, cho buôn bán phát đạt, giàu có vô kể, được chồng con yêu chiều, quí hóa lắm lắm... Biết tôi vào Sài Gòn kiếm sống, cô có cho người gọi đến ăn cơm mấy bận. Về sau, lúc bố mẹ tôi theo tôi vào ở hẳn trong này, cô mới có lời nhắn, chưa kịp gặp thì lại đã phải theo con đi xuất cảnh. "Người như thế có đi đâu cũng tốt phúc!". Bố tôi cứ ngậm ngùi mong như vậy. "Lạy trời, trời có mắt...", mẹ tôi lầm rầm trong miệng khi nghe bố tôi báo tin cô Sửu đã sang mãi Ca-na-đa...  
...Bên cạnh sới vật sau tiết lập xuân, trên chiếc đu tre, cô Đào và cô Mơ đang dún lên dún xuống. Aáo tứ thân bay như bướm lượn giữa trời mưa giăng bụi trắng. Các cô cười khanh khách, mắt lá răm lúng liếng nghiêng về phía đám trai làng vừa thử phân thắng bại. Có ai đó ngước mắt nhìn lên. Hai cô càng dún mạnh hơn. Cây đu tre như về hùa với các cô, tung niềm vui thanh nữ lên trời...  
Cho đến hôm cô Đào thủ quân tướng trên bàn cờ người, bố tôi mới biết cô là con gái út ông Phán San làm ở sở dây thép trên huyện lợ. Đô vật nổi tiếng bối rối, chôn chân bên ô tướng. Được nước đi hay, người ta reo hò như vỡ chợ, riêng đô chỉ lắp bắp không thành tiếng... Lần ấy, hội vật tháng 3 làng Thượng Văn vắng bóng bố tôi. Người bị ốm. Ôốm tương tư...  
Trăng tháng 3 mờ ảo. Trai gái làng đang hát đối bên sông. Vẳng đâu đây tiếng trong thanh nghe quen quen: "Trèo lên ơ là lên cây bưởi ới tinh tình tang...". Bố tôi vùng dậy, lấy hai bàn tay khum lại làm loa: "Ơớ ơ... Em có chồng là tang tình tình anh tiếc thay lắm thay ì i...". Tiếng cười rộ lên. Tiếng hát cứ gần lại về phía ngõ nhà ông nội tôi. Ông nội đang ngồi bên án thư đọc sách, bảo: "Ra đường mà hát". Bố tôi nhập đám. Đám hát vẳng dần theo đường ra xóm trại nhà cô Đào...  
Sáng tinh mơ bố tôi mới về. Ăn hết ba bát cháo hoa bà tôi nấu, mồ hôi vã ra như tắm, rồi khỏi ốm hẳn. Ông tôi không hỏi ý kiến ai, sai sắm trầu cau đến nhà ông Phán hỏi vợ cho con trai. Bố tôi cười tủm tỉm, răm rắp làm theo ý cha. Cô Đào thì khóc. Bà Phán tát nhẹ vào má cô: "Cha cô! Ngày xưa u cũng thế !". Cô cười...  
Mùa xuân năm Sửu, mẹ tôi sinh tôi vào đúng đêm hội phường chèo Thượng Văn diễn tích Quan Âm - Thị Kính. Chú Tý đóng vai anh Nô, mẹ tôi sắm vai Thị Mầu. Đúng lúc bố tôi vào vai phú ông quát nạt, đánh Thị Mầu, mẹ tôi bỗng lăn đùng ra sân đình, quằn quại. Làng được một trận cười hả hê, khen mẹ tôi diễn trò khéo. Rồi cả làng thất kinh... Tiếng trẻ con oe oe trên sàn diễn. Thị Mầu đẻ con! Đứa bé ấy chính là thằng Chèo. Tên ấy gọi ở làng lúc tôi còn để chỏm. Trong khai sinh, bố tôi theo ý ông nội đặt là Xuân. Vâng, đã hơn bốn chục mùa xuân...  
Một lần khác, tôi đưa con trai về thăm làng cũ. Gần tới làng, thằng bé cứ vượt lên, lon ton ở phía trước. Đường vào làng hai hàng phi lao xanh thẫm, thẳng tắp. Con đường cứ hút dần về phía cuối, bỗng thênh thang gặp khoảng trống sân đình, như vút lên trời... Tự đâu đó văng vẳng tiếng đàn tranh. Phường chèo đang tập. Âấy là sắp vào hội xuân, có những đêm nghiêng ngả cả sân đình...  
Hai mươi ba Tết, chú thím Tý vào thăm gia đình tôi, cũng là để đón cô Sửu từ Ca-na-đa về. Nhìn những mái đầu bạc phơ chụm lại tính chuyện tàu xe hồi quê, mẹ tôi cười như mếu, phều phào bảo tôi: "Trời Phật cho ngày này đấy con ạ...".  
Không biết năm Tý này ở làng Thượng Văn còn mở hát chèo văn, vật võ, đánh cờ người, chơi đu tiên không. Tôi tin bây giờ không nơi đâu có những đám cưới chuột lấy mèo. Có điều chắc chắn - vẫn còn mãi mãi những em bé mang tên Xuân như tôi...

**Nguyễn Quốc Văn**

Thao thức nỗi niềm quê

**Tết, về Hà Nội hái tầm xuân ...**

**T** huở nhỏ, tôi mê đi hái tầm xuân. Bây giờ tìm tầm xuân không dễ. Còn nhớ ở miếu làng gần đình Cổ Nhuế có một bụi tầm xuân, tôi thử đến tìm. Tự trách mình trí nhớ lá khoai, thấy đường mở rộng, nhà cửa vài ba tầng mọc lên san sát, quên cả lối xưa, thở dài đi ngược về Chèm...  
Tới đê, bỗng ngẩn người, thấy vắt ngang trời sông một dải lụa đỏ. Màu đỏ của cờ treo dọc con cầu Thăng Long. Xe cộ chạy nườm nượp trông bé như những cái hộp di động. Ngày xưa, trước mênh mang sóng nước, nhà thơ chỉ thấy tràng giang và những kiếp phù du trôi giạt. Con mắt nhà thơ nhìn xuống, hắt ra những tiếng thở dài. Tôi không biết làm thơ, trước con cầu, ngu ngơ nghĩ đó là đường lên trời. Nhưng con đường lên trời này không thể đi bộ. Đành gọi tắc-xi... Xe chạy trên cầu, tôi có cảm giác như đang trên mái nhà mình nhìn xuống. Hà Nội, một vườn hoa đa sắc...  
Anh lái xe lấy làm lạ khi tôi đòi xuống chân cầu. Anh ta mỉm cười, vì nhớ lại chuyện tôi kể lúc nãy, rằng tôi đang đi hái tầm xuân... Thực ra, bên Đông Anh không có tầm xuân hoặc có mà tôi không hề biết. Tôi muốn đến thăm một gia đình quen cũ. Đó là gia đình bác Tào, gốc gác mãi tận ở Cổ Gia, dạt về đây sống nhờ nghề sông nước. Nhà có quán nước, bác gái bán trà và kẹo lạc, kẹo vừng hay rượu Vân với lạc rang. Em Vui làm thợ may. Em Vẻ đi học đại học. Bác Tào trai suốt ngày ngồi trên thuyền đánh bạc. Nhớ lúc hàn vi, nhờ biết chút ít võ vẽ, tôi hay được bác Tào cho xuống thuyền làm đệ tử. Tiền to cuộn lại đẩy ra phía sau, tôi vo lại lẩn vào cạp quần, chờ lúc được sai đi mua rượu là đem về cho bác gái. Một lần công an bắt được tất cả những người chơi bạc. Tôi đi mua rượu nên không bị bắt, lòng cứ ngậm ngùi... Nói cho đúng, tôi không ham cờ bạc. Tôi chỉ có máu tò mò. Tôi theo bác Tào xuống thuyền chẳng qua là một kiểu học đòi. Học đòi các nhà văn ấy. Đi thực tế mà! Tôi biết khối chuyện về cờ gian, bạc bịp. Ví như chiếu bạc có bốn người thì phe bác Tào ba, người kia chơi cách nào rồi cũng thua ba người. Trên chiếu, bác Tào hầm hè với hai người bạn coi như xa lạ. Lúc đám tan, họ lại về nhà bàn đánh chén, bàn dụ con mồi khác...  
Làng tôi ở bên kia sông. Chỉ đi đò, đi phà qua mà thành thân. Vợ chồng bác Tào tỏ ý yêu mến ra mặt. Vui và Vẻ chỉ nhìn tôi cười khúc khích. Sau này, tôi vào Sài Gòn làm báo, ít dịp về quê cũ, tưởng đã quên cả...  
Tôi gọi tắc-xi ngược trở lại vì bác Tào đã chuyển vào Ngọc Nhật. Chắc là theo con gái lấy chồng ở làng hoa. Tôi tìm được nhà bác không mấy khó khăn. Hỏi cô Vẻ, Giám đốc công ty trách nhiệm hữu hạn Bờ Bắc, không mấy ai không biết. Về sau, tôi biết cô nổi tiếng không phải vì giàu có mà vì một mối tình... Chao ôi! Có những sự nổi tiếng đượm buồn...  
Bác Tào trai đang cặm cụi ngoài vườn. Sao mà lắm quất, thược dược, lay ơn... Bác đang uốn cành cho những cây quất đã được tạo dáng theo mười hai con giáp. Tôi suýt bật cười thành tiếng vì bác nghĩ tôi chỉ là một khách đi đặt hoa. Chuột chạy, Mèo lười. Trâu cười, Hổ phục... Trông đến vui mắt. Tôi đến gần bác, nói nhỏ: "Cháu đặt cửa này ạ!". Bác Tào so lại kính, nhìn chằm chằm vào tôi, vất ô-doa nước, lạc giọng kêu lên: "Thằng Bắc!". Rồi ôm lấy tôi, mắng yêu: "Bố anh! Cái giống bạc! Biệt tăm ở mãi đâu...". Tôi nói gia đình tôi vào Nam hết, lâu lắm mải kiếm kế sinh nhai nơi đất lạ, chưa về thăm được...  
Tôi và bác Tào ngồi uống rượu. Uống với quất chín. Ngay trong vườn. Bác Tào gái đã mất từ lâu. Vui lấy chồng rồi theo chồng vào Đà Nẵng. Vẻ đi tối ngày. Một mình bác Tào bầu bạn với cây, hoa. Tháng, năm bứng gốc quất. Trước đó, trên cành có nụ, có hoa nào phải ngắt đi cho bằng hết. Rồi sau tháng năm có lá non nào trổ, bấm hết đi cho đến khi nào nụ hoa bật khỏi cành. Quất vào dịp Tết chưa đủ trái chín vàng, sai trẻ con đái vào chai lúc sáng sớm, hòa một thùng nước, phun đều lên từng cây là được vừa ý. Còn hoa lay ơn, thược dược... muốn Tết có hoa chơi và bán, phải trồng làm nhiều đợt. Một ngày nắng hoa lớn nhanh bằng bảy ngày rét. Cứ thế mà tính trồng xen... Việc cứ bù cả chân tay, bác Tào nói vậy.  
Tôi hỏi bác về đào sau khi đã nâng ly cụng cùng bác. Bác Tào nói bác không có duyên đào. Cũng ngắt nụ, ngắt lá, tỉa cành mà đào của bác chưa có vụ nào nở hoa đúng Tết. Năm nay, lạ thay, rét ngọt thế, lười chăm thế, đào vẫn trổ bông. Những nụ hoa nhỏ như cái cúc bấm đo đỏ sắp hé chờ mưa xuân...  
Khuya. Vẻ tự lái xe về nhà. Tôi và bác Tào đã chuếnh choáng men hoa. Không phải say rượu. Vẻ nói bác Tào đưa tôi vào nhà, kẻo hai bác cháu dễ cảm gió. Nghe đến gió, tôi mới thấy lạnh. Aáo hai bác cháu trắng hạt bụi mưa xuân. Nhà lớn quá, sang trọng quá, nhưng cũng trống vắng quá. Máy điều hòa ro ro... Chỉ có Vẻ là ít nói, lặng lẽ nhìn tôi: "Anh cũng chẳng thay đổi mấy". Tôi nói: "Em cũng vậy". Cô buồn buồn hỏi về bố mẹ tôi, công việc của tôi. Tôi kể nhà tôi ở Gò Vấp, bố mẹ tôi tối ngày bên vườn hoa, tôi tối ngày lang thang trên các nẻo đường lượm tin, đêm ngồi viết bài. Tôi kể hơn một năm nay bố mẹ tôi tỏ mặt giận dỗi vì cứ nhắc đến chuyện vợ con là tôi lấy xe ra, đi lên tòa báo... "Cũng như em", Vẻ nói, nhìn lại bác Tào âu yếm như định nói ngầm với người cha một điều gì đó. Bác Tào rót cho tôi và bác mỗi người một ly, chép miệng: "Rồi anh chị ế cả thôi...".   
Tôi đã trở về Hà Nội như vậy. Những hôm sau, Vẻ đưa tôi đến công ty của cô. Cô buôn bán máy vi tính. Tiếc thay, chẳng có cái máy nào tính đúng đường đời cô. Cô đã chờ một người hầu như vô vọng...  
Chúng tôi bơi thuyền trên Hồ Tây căm căm gió bấc. Ai nấy lại nóng ran cả mặt. Và ngồi nhà Thủy Tạ uống ca cao, cùng đón gió bấc! "Chỗ này chính diện gió", tôi nói và kéo Vẻ vào một góc khuất. "Em tưởng anh thích gió lạnh mãi ?". Tôi cười. "Rồi anh sẽ nói...". Hai đứa nhìn bờ hồ xanh cây, lọt thỏm trong bốn bề nhà cao tầng như sâu hơn, sẫm hơn.  
Vẻ hỏi tôi còn nhớ anh Quan. Tôi nhớ và hai anh em xuống khu "Cao-Xà- Lá" cũ ở Thượng Đình tìm bạn. Khu trường ĐHTH giờ bị vây kín với khu tập thể Thanh Xuân dựng trên trận địa cao xạ ngoài đồng năm xưa. Nhìn cảnh cũ đổi thay, tôi bỗng giật mình nhớ cách đây gần hai mươi năm, Vẻ đã tắt đồng từ khoa Lý xuống khoa Văn thăm tôi. Tôi đã tiễn em về. Trời căm căm gió rét. Tôi đã nắm lấy tay em và bảo: "Đi sau anh. Gió chính diện! Rét ghê...". Lúc chia tay, tôi đã vô tình không nhìn vào đôi mắt hơi ươn ướt của em. Vô tình quá! Cái nắm tay chặt quá, làm em đã gửi lầm một niềm tin... Chúng tôi dừng ngoài đường, cùng ngược về quá khứ. Khác là bây giờ chúng tôi đã lớn. Vẻ ngồi sau tay lái, quay về phía tôi. Tôi nắm lấy tay em và bảo: "Giờ thì anh không để mất em nữa". Vẻ khóc...  
Cái cơ ngơi của Vẻ bây giờ bắt đầu từ vốn bán quất. Từ giã sông nước, hai bác Tào chuyển sang trồng cây, hoa. Bác kể ở trong tù hồi bị giam giữ vì tội đánh bạc có tổ chức, một người tù đã truyền nghề cho bác. Mấy mùa xuân, quất của bác vàng rực cả phố phường Hà Nội. Vẻ mở một cửa hàng bán máy. Rồi phát triển thành công ty như bây giờ...  
Tôi đã bay trở lại làng hoa Gò Vấp. Từ trên máy bay, Sài Gòn trắng xóa màu vôi, sơn mới quét. Máy bay nghiêng cánh lượn vòng, đủ để tôi nhìn rõ thành phố y như một ngôi sao năm cánh... Sông Sài Gòn uốn khúc hình chữ V rất lạ. Một người ngoại quốc bảo tôi đó là chữ Việt Nam. Một người nói đó là biểu tượng chiến thắng hay cất cánh gì đó. Vẻ ơi, tôi nghĩ đến em... tôi nhớ đến căn nhà bé tí, quán nước, con đò nơi bến Chèm và con cầu đang bay lên trời. Tôi nhớ bác Tào, nhớ vườn quất và thược dược, nhớ bụi tầm xuân...  
Hình như hôm qua cầu Thê Húc, lúc vào đền Ngọc Sơn, tôi bỗng nhìn thấy um tùm cây lá. Mắt có lầm không khi nhác thấy một bụi tầm xuân. Tay có lầm không khi tôi nắm lấy tay em... Ơở Gò Vấp không có tầm xuân. Quất vườn nhà đang vào mùa vàng mọng.  
Bố tôi giục tôi ra Hà Nội. Có thể ăn Tết ở đó cũng được. Người già tinh đến tận lòng con.  
Vẻ ơi, hôm nào rỗi, em nhớ ghé qua Ngọc Sơn xem anh có nhìn lầm không nhé! Lẽ nào giữa Hà Nội hiện đại, vẫn còn nguyên sơ một buị tầm xuân không dễ gì kiếm được ngay cả ở chốn rừng hoang? Lẽ nào cái nắm tay ở Thượng Đình năm ấy không đủ sức gắn ta lại với nhau? Tết này, ta cùng đi hái tầm xuân, em nhé!

**Nguyễn Quốc Văn**

Thao thức nỗi niềm quê

**"Khán khán nhân phong" tình đời tình thơ Tết.**

**T** ôi đến Lê Văn Sỹ xem tranh.  
Bức tranh sơn mài thực thực hư hư. Bố cục tranh khá lạ. Trên nền nâu sẫm dân dã thẫm dần từ trên xuống dưới, giữa bức tranh là một vầng tinh vân quầng vàng le lói. Giống như nhật hoa lơ lửng trong khoảng không mênh mông lãng đãng, lạ thay, điểm vào chính tâm một chấm bạc của nhũ. Mặt trời hay mặt trăng? Con mắt thao thức nỗi niềm hay một mảnh hồn treo keo lại? Bên dưới vầng tinh vân kia, hình ảnh một bàn chân quá khổ như nói ai vừa bước qua đây. Màu bạc của nhũ ảo mờ lẫn vào nền sơn nâu tím sẫm. Tôi ngỡ ngàng nhớ dấu chân Giao Chỉ, năm ngón tõe ra bám chặt vững vàng trên nền châu thổ sông Hồng trơn nhẫy phù sa. Bóng bàn chân còn to hơn. Nó làm thẫm gần một nửa chiều dài tranh. Bầu trời, mặt đất, con người như tan ra rồi tụ lại trên bề mặt một không gian mà ta chẳng nên phân định...  
Tôi như bị hút hồn vào bốn chữ Hán viết theo lối chữ Nôm bay bướm, cân đối, dọc theo chiều rộng hai mép tranh. Bên trái "Khán khán", bên phải: "Nhân phong". Mở mắt ra mà nhìn đời, nhìn người... Ai mở mắt? Thế thái nhân tình chăng?... Nỗi day dứt này thành một ma lực ám ảnh tôi đến mấy ngày. Thú thật, cho đến bây giờ, tôi đã cố hiểu bức tranh theo rất nhiều nghĩa, song vẫn tự biết, đó chỉ là cách tự an ủi mình mà thôi. Dưới lớp sơn màu cánh gián thếp bạc vàng kia, một mảnh hồn vẫn còn đang động cựa, nói những điều thông thái và ngu ngơ của người vẽ nó trong những giây phút xuất thần đầy hứng khởi...  
Người bạn lớn tuổi của tôi, anh Nguyễn Công Quỳnh, Chủ tịch Hội đồng hương Nam Định, thấy tôi ngẩn ngơ trước bức tranh, bảo: "Chú cảm nhận tranh theo lối cảm thơ văn. Tôi kể cho chú chuyện này, có thể chú sẽ đổi ý...". Nói xong, anh lẳng lặng vào buồng, lúc trở ra, anh mang theo một tờ bìa cứng, bọc trong nhiều lớp giấy dó. Rồi cũng lặng lẽ, anh đặt tấm bìa lên mặt bàn, chậm rãi mở những nuột dây gai... Anh không mở tiếp mà kể. Giọng hơi run. Mắt anh nhìn vào mắt tôi, lúc bừng lên, lúc ươn ướt, dịu dàng.  
Anh kể: "Tôi nhớ hôm ấy là một buổi chiều. Trời tự nhiên tím sẫm lại. Aà, chú hẳn biết anh em Bàng Bá Lân, Bàng Thúc Long, Bàng Sĩ Nguyên người quê ta chứ nhỉ?".  
Tôi nói tôi chỉ biết các ông khi xem tranh của họ ở đâu đó. Riêng Bàng Sĩ Nguyên, tôi còn đọc khá nhiều bài thơ trên báo Văn nghệ, riêng bài Vợ chồng xuống núi thì tôi thuộc từ hồi còn bé. Anh Quỳnh nói các nghệ sĩ này người Hà Nam ra Hà Nội đã lâu. Nhớ hồi gặp nhau ở Sài Gòn, hỏi quê nhau, ôm chầm lấy nhau mà khóc rồi thành thân...   
Anh tiếp: "Chiều ấy, Bàng Sĩ Nguyên đến tôi chơi, buồn buồn báo tin tác giả Điêu tàn bệnh nặng, đang nằm ở bệnh viện Chợ Rẫy. Anh rủ tôi đi thăm Chế Lan Viên... Chúng tôi đến, Chế Lan Viên vẫn còn đang đọc sách thiền. Tôi không nhớ anh đang đọc Giác ngộ hay Chứng minh. Chỉ thấy ánh hoàng hôn lọt qua cửa sổ tím thẫm cả trang sách vừa gấp lại. Mắt anh vẫn còn sáng lắm. Anh hỏi han sức khỏe từng người rồi chuyển qua chuyện đời, chuyện văn, thơ... Lúc chia tay, Chế Lan Viên gọi Bàng Sĩ Nguyên lại, thì thầm riêng một vài câu. Tôi không nghe rõ, chỉ thấy Bàng tỏ vẻ xúc động lắm... Sáng hôm sau, gặp tôi, anh Nguyên cầm tờ bìa này tên tay, khoe mới vẽ xong một bức tranh. Tôi xem xong, hỏi: "Có phải những chữ này anh Hoan nói với anh hôm qua phải không?". "Phải, phải...". "Và anh đã vẽ theo ý tưởng ấy?". Tôi chăm chú nhìn bạn, nhưng anh chỉ gật đầu thay cho câu trả lời. Tôi nói bức tranh này làm thành sơn mài thì tuyệt. Anh Nguyên cho là phải... Iít lâu sau, tôi đến chơi, anh Nguyên cho xem cả hai bức và bảo: "Có lẽ anh nên giữ tranh này. Nó là kỷ niệm chung về chiều ấy... Cái buổi chiều lóe những niềm tin". Chú thấy đấy, bức sơn mài là bản sao thôi. Còn đây..."  
Anh chậm rãi mở từng lớp giấy. Dưới bóng chiều xuân nghiêng qua phòng khách, tôi thót người khi thấy những đường nét hoang sơ mà thâm trầm trên nền tối sẫm bởi sơn dầu lộ trên mặt tờ bìa cứng cũ mép đã bị sờn... Hình như họa sĩ đã vớ được tờ bìa ở đâu đó, trong lãng đãng men và cảm hứng, dồn cả nỗi thổn thức nơi cõi lòng sâu thẳm tình đời, tình bạn vào ngọn bút, tãi màu lòng sẫm nâu non pha sắc tím nắng tà lên mặt giấy... Là nhà thơ, lúc không tìm được chữ, được vần, hoặc thấy chữ và vần... không chở hết được sức nặng tình người, Bàng Sĩ Nguyên đành bất lực và hóa thành họa sĩ... Bức tranh tôi nói trên chỉ là một trong hàng trăm trường hợp như vậy. Tôi có lầm lẫn không khi gọi đó là những bức thi họa, những bức tranh như vẽ để làm thơ. Những Bến Đục, Trâu tắm suối ở Phù Vân, Rừng Mơ, Phố, Nhớ về Hà Nội, Thiếu nữ... Cảnh và người đều gợi một mối tình non nước đằm thắm, máu thịt... Nắm bắt được cái thần chông chênh trong mỗi bức tranh kia cần chăng những tâm tình đồng điệu đến tri âm, tri kỷ?  
Hơi may đâu đó bất chợt về...  
Tôi bỗng thấy trong lung linh vô định giọt nước mắt tình đời nơi vầng tinh vân ngầm tỏa sáng. Chỉ có bàn chân kia là không vô định. Nó đang đi về phía mặt trời mọc! Như Chế Lan Viên bước ra từ Điêu tàn để đến với Aánh sáng và phù sa... Như dân tộc Việt vững tin bước vào Xuân lúc thiên thời và địa lợi...

**Nguyễn Quốc Văn**

Thao thức nỗi niềm quê

**Nơi quê cha đất tổ**

**S** au ngày đất nước liền một dải, u tôi nhận được tin chú tôi còn sống, hiện cư ngụ ở Sài Gòn. Tôi (Nguyễn Thị Thoa Ngọc, Việt kiều Pháp) đã trở về Việt Nam tìm chú, và từ đó đến nay, tôi đã về nước bốn lần. Song cho mãi tới lần này, tôi mới có thể viết bằng tiếng Việt - tiếng của ngọn nguồn xứ sở cha ông - thầy tôi đã mang theo trong một cuộc mộ phu khốn khổ năm 1942. Thứ tiếng ấy, thầy chưa kịp truyền hết cho con gái, đã vội từ giã cuộc đời, u tôi đi làm thợ tối ngày, đâu có điều kiện dạy tiếng cho con... Tôi lớn lên, biết có quê cha. Tiếng Việt thực ra đã thổn thức trong ngực tôi nhiều năm, nhưng không bật ra được tròn vành, rõ tiếng. Những lần về Việt Nam tôi thường ở nhà chú. Ơở đấy, em họ tôi, chú Bắc (một thầy giáo dạy phổ thông trung học) thường dẫn tôi đi chơi. Nhớ lần đầu, tôi đi đâu cũng chỉ nói tiếng Pháp. Hai người Việt dịch cho nhau nghe. Điều này làm tôi thẹn chín cả mặt khi ở chốn đông người. Năm đó là mùa xuân 1981. Tôi đã sẻ chia với gia đình chú tôi một cái Tết nghèo nhất trong đời mà tôi biết được. Tôi có mang một số tiền về biếu chú. Nài nỉ thế nào chú cũng không nhận. Vậy mà bây giờ chú tôi lại bảo: "Ngọc, em Bắc nó không dám phiền chị, nhờ chú xin giúp thứ này cho nó. Nếu cháu làm được thì cố gắng. Thôi thì...". Chú tôi ngừng lời, nhìn tôi... Tôi mừng rỡ, đoán: "Chắc chú Bắc chưa có nhà, muốn nhờ cháu giúp đỡ...". Chú tôi cười : "Không, không! Vợ chồng nó ở chung với chú thím được rồi. Ăn hết nhiều chứ ở hết mấy!". "Thế Bắc muốn nhờ cháu gì ạ!". Chú tôi bảo: "Bắc nó dạy học. Nó nói sách giáo khoa bên đó đã được biên soạn kĩ lưỡng nhiều lần nên khá chuẩn. Nó muốn có một bộ sách để làm tài liệu tham khảo...". Chao ôi! Ơở Pa-ri, tôi nghe người ta nói: về Việt Nam, cứ cho người nhà nhiều tiền là tốt. Vậy mà Bắc chỉ xin sách! Ôi em tôi, sao mà nó giống chú tôi! U tôi kể, lúc đi học ngày xưa, hai anh em học chung một lớp, chỉ một mình chú tôi học, thầy tôi chỉ cóp - pi thôi. Về sau, chú tôi theo Việt Minh... Kỷ niệm lần đầu tiên về đất nước là gia đình chú, là Bắc. Tôi đã kể lại chuyện này cả Pa-ri nghe. Người ta cho là tôi bịa chuyện.  
Tết năm 1983, tôi về Việt Nam cùng cháu Việt, đứa con trai lớn nhất của tôi. Tôi mang cho Bắc khá nhiều sách. Ơở sân bay, người ta giữ lại, kiểm tra rất ngặt rồi đưa vào kho. Hai hôm sau, lúc nhận lại, người ta chỉ trả ba cuốn. Hỏi Bắc, chú chỉ cười, bảo chắc là tôi chọn lộn sách. Thuở ấy, Việt học lớp bốn. Hai chú cháu quấn lấy nhau. Chú giảng cho cháu nhiều cái mà có nằm mơ nó cũng không bao giờ biết. Tối, chú chở cháu đi xem chèo. Nghe không hiểu, nhưng về nhà chú dịch cho, Việt thích lắm. Tôi không ngờ bây giờ Việt lại theo ngành Đông Phương, thạo tiếng Việt hơn cả tôi. Năm ngoái cháu có về Việt Nam, đến tận Đặng Xá xem chèo cổ, lên cầu Họ thắp hương trên mộ ông bà nội ngoại. Ơở đấy, cháu có làm một bài thơ lục bát, rồi tự tay đốt trên mộ ông nội... Cháu kể lại: Khi lửa cháy, gió bấc thổi qua các rặng phi lao trồng ken kín bốn chung quanh nghĩa trang nghe ù ù và cháu như nghe thấy giọng ông bà đang thì thầm dưới đất, tàn giấy tự nhiên bay ngược lại, có mảnh dính đúng vào ngực cháu. Thằng bé tế nhị lấy một dúm đất đồng chiêm đem về Pháp...  
Đến năm 1991 tôi và chồng tôi đưa u tôi về Sài Gòn. U muốn cùng chú tôi đến nơi có ngôi chùa thầy tôi yên nghỉ ở Pắc Xế! Va-li tôi và li anh Đào căng đầy quần áo. Vợ chồng nhớ món quà cho Bắc, sợ bị mất như lần trước, để mỗi nơi mỗi cuốn. Ai ngờ xuống sân bay, chỉ trong năm phút, tôi đã có quyền gọi tắc xi, mang hết hành lý về nhà chú. U tôi trông thấy chú tôi, cứ cầm lấy tay, nghẹn ngào. Trong lúc đó, chú tôi lại khóc tức tưởi. U tôi phải bảo: "Chú y như ngày xưa. Con gái lắm...", chú tôi mới nín, lấy khăn lau nước mắt. Rồi u tôi và chú tôi sang Lào. Hôm tôi và anh Đào bay ra Hải Phòng thăm một người nhà trở vào đã thấy hai cụ già ngồi rì rầm. Nhà có thêm bức ảnh thầy tôi phóng to đặt trên bàn thờ. Hai chị em đã mang tro cốt thầy tôi về chùa Vĩnh Nghiêm để chú tôi tiện đường hương khói. Rồi, ngày mồng một Tết, cả nhà lên chùa. Trong tiếng chuông lơ lửng khua vào sớm mai, u tôi lặng đi. Chú tôi bảo trông thấy thầy tôi trong làn khói hương đang cười...  
Lần này tôi mang u tôi về với thầy. Đó là nguyện vọng cuối cùng của một người xa xứ. U tôi dặn khi nào chú thím tôi theo thầy u tôi, nhớ dặn Bắc xin chùa đem cả bốn người về cầu Họ. Đồng chiêm vốn là nơi cả gia đình tôi dù đi xa, vẫn đêm ngày thắc thỏm nhớ...  
Giữa tháng Chạp, theo nguyện vọng của chú thím tôi, tôi và Bắc lo sắp xếp công việc, về Hà Nam thăm viếng quê hương... Hai chị em đều có chung một cảm tưởng: mới có mấy năm xa cách mà quê hương đổi thay nhiều quá... Chỉ có nấm mộ tổ là vẫn nguyên vẹn như xưa, Bắc nói thế. Chú bảo tôi đứng phía cuối, chú đứng phía đầu mộ. Tôi vái chín lần, chú ấy lạy bảy lần, rồi mới cắm hương xung quanh mộ. Cả hai đền lầm bầm cầu mong đất nước thái bình, toàn dân no ấm, cháu con được ông bà phù hộ chân cứng đá mềm nơi cùng trời cuối đất...   
Gần Tết, Bắc dẫn tôi đi xem hoa mai, hoa đào và sách... Thấy tên em mình trên bìa những cuốn sách khiêm tốn, tôi muốn khóc lên được... Hai chị em rủ nhau đi ăn món bún ốc Bình Lục mà tôi ưa thích, rồi đi chợ Cũ, chọn mua lá gói bánh chưng. Chiều, tôi ngồi nhặt lá, xem em gói bánh. Khuya, chị em thức trắng đêm chờ vớt bánh. Mùi lá, mùi gạo, đỗ và thịt lợn quê nhà nghi ngút bốc lên. Sáng mai, áo tôi đầy mùi bánh chưng quê. Tôi bỗng nhớ lời Bắc khi hai chị em đi thắp hương ở mộ tổ ngoài cồn Rùa. Mộ tổ bằng mười hai cái chiếu cói, vuông vức, mặt phẳng lì, bốn chung quanh có xẻ rãnh để phân biệt ranh giới. Tôi nhớ có lần Bắc đã nói hình vuông là hình của đất và nước... Eép bánh xong, Bắc nhờ tôi kêu chú tôi xuống xếp bánh lên bàn thờ. Chú tôi quần áo tề chỉnh từ bao giờ không rõ, tay run run mở cuốn bài vị rồi lần lượt xếp bánh chưng thành hai chồng cao bên cạnh mâm ngũ quả. Tôi giật mình: Hai chồng bánh như hai cái tháp vuông tỏ ơn cha nghĩa mẹ, ông bà tiên tổ ... Có phải vì vậy không mà bánh chưng vuông vức thế? Tấm bánh như cuốn sách, có thể đọc được lòng ai...

**Nguyễn Quốc Văn**

Thao thức nỗi niềm quê

**Đường đến với hoa đào**

**C** ó một lần, tôi - Nguyễn Ngọc Thành -tưởng mình đã nói chuyện được với hoa lan. Nói với hoa với cỏ, với chim thú và nghe được lời vạn vật, ấy là sự giao hòa của cõi bất tử. Vâng, tôi và nhiều đồng đội nữa, vào mùa xuân năm 1972 Quảng Trị, có những người đã đi vào cõi ấy. Đúng ra thì tôi chỉ lạc vào cõi ấy, ngất lịm bao lâu không rõ trong căn hầm chữ A đổ ụp xuống bởi một trái pháo. Nhiều năm sau, tôi cố nhớ lại trong những phút giây ngắn ngủi kia, tôi đã nói với hoa lan điều gì, hoa đã nói với tôi ra sao... mà không sao nhớ nổi. Tất cả mờ xa, hút về tận cùng nơi con đường cõi tâm thức...  
Chẳng biết trời xui đất khiến thế nào, Dương Hùng Phong, một đồng đội cũ của tôi (bây giờ tôi mới biết anh còn sống và hiện đang công tác ở Đài truyền hình Hà Nội, dò tìm được địa chỉ của tôi) dù biết Tết đã qua, vẫn cứ gởi cho tôi một cành đào. Đào đi máy bay. Nhựa nơi cắt cành vẫn còn ứ ra, trong vắt. Hoa lấp ló cười với nắng gió trời Nam. Hoa tìm người thay người. Hoa đắm đuối nỗi người. Vẫn hoa xưa, lại là hoa muộn, trong đất trời và cuộc đời đổi mới, nhưng bừng lên màu cờ thắm... Hoa nhắc tôi về một con đường, đường hoa...  
Đường đến với làng hoa vẫn ngoằn ngoèo như rồng, như rắn uốn. Như cả đám trẻ con chúng tôi nắm lấy lưng áo nhau mà ê a, mà cười như nắc nẻ : "Rồng rắn lên mây, gặp cây núc nác...". Cây núc nác nhà ai hoa như cái loe kèn đỏ chói rụng xuống gốc vàng. Trò chơi chẳng bao giờ dứt. Cũng như con đường làng không chịu duỗi thẳng chân ra như đám trẻ: "Thả cá mè, đè cá chép, chân nào đẹp, đi buôn men, chân nào đen, làm chó mèo...". Tôi mấy lần phải làm chó, làm mèo. Chó gâu gâu. Mèo meo meo. Đến lúc cái Mận phải làm chuột, thay vì kêu chí chí, nó lại xị mặt: "Em thèm vào chơi nữa. Các anh chỉ chúa ăn gian !". Con bé khóc. Mấy đứa lớn như tôi phải đi hái lén thật nhiều hoa, cài lên đầu để nó thành công chúa, nó mới chịu nín. Cười, tươi như hoa. Răng sún đen chứ chẳng trắng như hoa mận nở cuối mùa đông...  
Thuở ấy, làng chưa có trường cấp một. Trẻ con học có một ông thầy. Lớp đồng ấu, lớp nhất, lớp nhị đều do thầy Phương dạy. Thầy là con trai cụ đồ Bỉnh, thạo chữ Nho, lại có cả bằng "đíp - lôm". Tôi nhớ có lần thầy đọc thơ trong đó có ý "đường gần anh cứ đi vòng cho xa", tôi chân quê hỏi sao đường làng ta vòng vèo thế, thầy cười, nói mãi tôi cũng cứ ngớ người ra. Nào là, trò có nhớ câu "Làng ta phong cảnh hữu tình, dân cư đông đúc như hình con long", nào là dân quê tắt lửa tối đèn có nhau, nhà nọ chạy sang nhà kia mãi mà thành đường, nào là đường như lối nói Việt Nam: vòng vèo mà thẳng thắn, mềm mại và cứng rắn, hay đường là bài học làm người đầu tiên: đi đường vòng để đi đường đời ngay thẳng... Khi tôi khôn lớn, hiểu được đôi ý tứ sâu xa của thầy, thầy tôi đã đi xa lắm. Thầy nhập ngũ khi tôi đang học lớp bốn. Nghe đâu lúc ngã xuống trong một vườn mai vùng Sông Bé, thầy là tiểu đoàn trưởng. Có bao nhiêu sư đoàn chủ lực đã đi qua Sông bé từ năm 1962? Bây giờ thầy tôi ở đâu? Tôi biết chỉ có hoa mai biết rõ điều này...  
Tôi bỗng nhớ con đường giữa những tán cây có dây leo phủ kín, gọi là đường ống, trong rừng già Như Xuân, Yên Thành hay rừng Trường Sơn bạt ngàn. Chúng tôi đi vẹt cả gót dép cao su mà con đường vẫn tươi màu đất đỏ, đất nâu. Hoa nhiều quá. Nhất là phong lan. Tôi đã mang được một giò lan đai trâu. Lan lủng lẳng trong hầm nơi trận địa chốt của sư đoàn. Giò lan nát dập, loang máu bạn tôi. Tay nó bấu vào giò lan hôm ấy. Bây giờ, mỗi lần thấy hoa lan đai trâu, tôi hay cúi đầu. Âu cũng là cúi đầu trước những hồn hoa... Tôi không hiểu sao vào tháng tư đầy nắng lửa và đạn lửa, đỏă máu và đỏ cả màu cờ, hoa lan nở, hương dịu ngát. Hoa Trường Sơn. Giò gỗ rừng mục. Người lính nào đã treo trên một cành sao dầu phía đường Công Lý... Tôi đã tần ngần nhìn mãi hai vết đạn tiểu liên xuyên gọn trên một dải lá già. Loài hoa cũng bị thương. Cũng biết đi đến tận cùng cùng người lính.  
... Tôi đã đi ngược con đường ấy, con đường dằng dặc như khúc ruột đất nước trở ra Bắc, về với hoa đào. Tôi đã thực sự lấy làm ngạc nhiên, sau bao năm xa cách, tôi không biết lối về nhà. Không phải vì đường vòng mà bởi vì đường quá thẳng. Con đường về làng như một cái ống xanh, phi lao che rợp cả trời xanh. Vẫn tre, vẫn trúc, vẫn ao, vẫn vườn xưa. Nhà tôi kia rồi, tươi ngói đỏ. Tôi chạy xăm xăm về phía người ra đón. Ôi anh! Ơ kìa...  
Mận! Tôi đã đi nhầm ngõ. Cô bé mới đi học ở Nga về. Phó tiến sĩ cơ đấy. Luận văn về trồng hoa: Cũng là trọn đời với hoa... Bố tôi bỏ cuốc, chạy ra từ vườn cẩm chướng. Mẹ đi bán hoa chưa về. Hoa vườn tỏa hương như đang nói...  
Tôi trở lại trường đại học để học nốt những năm dang dở. Và cuộc đời, như đã định sẵn, gán cho tôi một người mang tên hoa con gái. Tên thì chua nhưng Mận trong đời dịu ngọt. Em là hoa - đào - trắng cuộc đời vất vả nhưng đào hoa của tôi. Nhà tôi trồng rất nhiều hoa. Hai đứa con gái của tôi, Sen và Mai, tên hoa vùng Nam Bộ. Hoa nở muộn.  
Vâng, giờ thì tôi đã nhớ. Rõ mồn một! Trong cái lần chạm tay vào thần bất tử ấy, đất cằn và hoa cỏ đã nói với tôi rằng: Đường đến với hoa đào là đường Thống Nhất. Qua lắm ngả gian nan máu lửa, mồ hôi, từ những con đường ống trong rừng thiêng núi thẳm, dân tộc Việt Nam rẽ lối, ngẩng cao đầu đi trên những con đường đỏ hoa đào, vàng hoa mai - mãi mãi...  
Đất nước đang bừng bừng sức xuân. Gởi cho tôi một cành đào muộn, bạn nhắc tôi rằng anh còn sống. Anh chưa chết! Chỉ có giò lan đai trâu kia nát dập! Hồn hoa đã che chở hồn người? Kỳ lạ thay...

**Nguyễn Quốc Văn**

Thao thức nỗi niềm quê

**Khách văn thuở mai vàng**

**C** òn nhớ năm nào bạn bè chưa ly tán, mỗi người chưa dạt đến chân trời góc biển, cứ mồng 5 tháng giêng Âm lịch chúng tôi thường tụ ở nhà tôi, uống rượu, bình thơ. Khách thơ của tôi là dăm ông lão vừa học chữ Nho vừa học chữ Pháp, mấy nhà văn tỉnh lẻ tiếng tăm nhiều hơn tác phẩm, vài ông giáo sùng văn chương hơn sùng tem phiếu, đặc biệt, còn có bà cụ Gái, một chữ cắn đôi không vỡ, nhưng Truyện Kiều, Chinh phụ ngâm, Cung oán ngâm khúc, Lục Vân Tiên... thì thuộc nằm lòng...  
Vợ tôi lo đến trũng mắt. Tết vừa đi qua, như gió bấc cuốn sạch những món tiền cát bụi từ vài bài báo còm của tôi hóa thành... Rồi cũng đủ cả. Tươm quá! Ông Thanh mang tới một hũ sành rượu nút lá chuối, anh Trương, anh Trần, anh Nguyễn kẻ mang lạc rang, bánh đa, kẻ thủ theo gói Sừu Châu... bày chật cả chiếu trải trên nền lát gạch đỏ.  
Còn chưa quên Nguyễn vừa đọc thơ vừa khóc thương cho một người ăn mày hương đêm giao thừa, Trần đọc một truyện ngắn không thể ngắn hơn nửa giờ, mồ hôi túa ra ướt cả trán như khinh gió rét, Trường đứng lên, trợn mắt, phùng má diễn một trích đoạn hề chèo anh mới viết và tự dựng diễn đêm qua... Chờ chúng tôi lần lượt nhả ngọc phun châu cho đến khi thơ văn đã vãn, rượu đã làm hồng nhiều khuôn mặt hốc hác, bà cụ Gái mới chép miệng, bảo: "Chả bén gót các cụ ngày xưa! Một câu của cụ Tố Như cũng chả thấy bóng! Thôi, chào các bác, các ông, cháu về...". Nói là về, nhưng một lát sau, lọm cọm quay trở lại: "Cháu có cái này, gọi là góp để đưa cay...". Bà cụ thò ra một cái chân giò lợn luộc. "Treo trên xà nhà từ trong năm đấy. Mẹ nó luộc lại cho mềm. Ai chứ tôi thì chịu!", bà cười, thơ trẻ quá, chẳng còn chiếc răng nào trên lợi... Chỉ có thế mà cứ độ đông về, bạn bè đã nhắc nhau bài vở. Chuyển qua chuyển lại, đọc thuộc lòng trước cả thơ nhau. Nguyễn hay chơi trò bất ngờ, bài thơ anh viết lần đầu đưa cho bạn đọc, ai định đọc theo lúc anh cất giọng, hẳn sẽ chịu thua vì anh đã sửa nó thành một bài gần như mới hoàn toàn...  
Âấy là cái thuở hoa đào. Mới hơn mười năm nhìn lại đã thấy chóng mặt. Đôi lần trở về chốn cũ, tôi chỉ còn gặp lại giọng lẩy Kiều của bà cụ Gái, giọng ngâm sang sảng như tiếng đồng tiếng sắt của cụ đồ Lắm, âm thanh trầm bổng mượt mà của những câu thơ tiếng Pháp của ông giáo Nam... mang mang cùng gió bấc! Hồn họ thoảng bay trong trời đất và hình như đã phù hộ cho những trang viết của bọn trẻ chúng tôi. Ba anh em họ Trần là những nhà văn lớn nhỏ, Nguyễn tấp tểnh làm tiến sĩ văn chương, đến như các em út họ Đoàn, họ Phạm cũng đã in đến mấy chục bài thơ... Đời có nhớ họ không, tôi không biết! Nhưng tôi biết, dù đổi tên thay họ, thay lối viết này bằng lối khác, hay hoặc dở... tôi luôn nhận ra bạn xưa qua những trang văn. Thế là may lắm rồi! Tri âm liệu có mấy người?...  
Buổi bình văn năm nay đến bất chợt. Từ lâu, phần do bạn bè mỗi người một ngả, phần vì công việc liên miên, phần vì... bao nhiêu thứ không tiện nói ra đây, bình văn trong tôi đã thành một hoài niệm đẹp, một kỷ niệm về sự nhập tục trong thoát tục mà không phải ai trong đời cũng may mắn có được.  
Thực ra, chẳng có việc gì tình cờ. Năm ngoái, có lần tôi đưa anh Nguyễn Ngọc Ký đến Trường PTTH Nguyễn Trãi, những mong tấm gương vượt khó bằng một nghị lực phi thường của anh sẽ giúp ích được phần nào cho lớp học trò bé nhỏ hôm nay. Trong buổi trò chuyện tâm tình, học trò rất thích nghe anh Ký đọc thơ và ký tặng bàn chân vào những tập thơ đem theo phục vụ các em. Lần ấy, tôi cùng anh đi vào lớp, tôi bình ngắn gọn một vài bài thơ của anh. Trẻ con mê nhà thơ, thơ bán được đến vài trăm cuốn. Mồng 5 Tết, anh Ký nhờ Nguyễn Ngọc Nhưng, một giáo viên dạy văn mê thơ ở Gò Vấp, chở anh đến thăm tôi. Theo hẹn, một người bạn vong niên sau mười lăm năm trời cách biệt, một nhà thơ trẻ - kiêm luật sư, đến chơi. Vợ bạn tôi, chị Nguyễn Thị Hợp, hồi trẻ nổi tiếng hát chèo hay, ngâm thơ quyến rũ, mê thơ bạn tôi mà nên vợ nên chồng... Vợ tôi chợt nhìn vào xa xăm, nhắc: "Bây giờ có đủ mọi thứ, chỉ thiếu... thơ... Giá được như ngày xưa nữa, thì...".  
Tôi như bắt được cảm hứng xuân. Và, bằng lối dẫn dụ chân tình của một ông giáo, tôi đưa đẩy câu chuyện đời thường sang chuyện văn chương lúc nào không ai để ý. Vợ tôi cười, tỏ ý phục tài chồng...  
Thật không ngờ, anh bạn luật sư của tôi đọc thơ trước. Dặn con, thơ của ông cụ thân sinh anh mộc mạc, thấu tình, đạt lý. Chị Hợp ngâm bài Lời ru thầm anh viết ru chị cách nay đã mười mấy năm, thuở cháu Phương còn bé tí... Thơ nói về nỗi vui buồn, cay đắng, thủy chung. Thơ giãi lòng chồng thương vợ... Vốn mủi lòng, mắt anh Ký rơm rớm ướt. Tôi chưa kịp bình một lời nào, anh Ký đã bảo: "Bài ấy hình như viết cả cho mình. Nhiễu nhà tôi cũng đã là người nâng bổng hồn tôi như vậy...". Rồi bằng giọng thảng thốt, anh đọc cho chúng tôi nghe bài thơ viết về bàn tay người vợ ân tình, đảm việc nhà, chăm việc đời của anh... Như đọc được men thơ chắp cánh, Nguyễn Ngọc Nhưng chưa bao giờ làm thơ cũng hứng lên họa được mấy vần... Bữa ấy, tôi đã được bình những vần thơ bè bạn, có cảm giác như chưa bao giờ mình bình đúng ý, đẹp lời đến vậy! Vợ tôi lặng lẽ cười. Vì sung sướng! Sung sướng lắm! Vì lâu lắm rồi, nhà tôi ồn ào, tràn ngập tiếng cười reo của lũ trẻ. "Cả nhà hóa trẻ!", anh Ký bảo thế! Nghe mà thấy nao lòng! Thương mình, thương bạn - những đứa trẻ tóc đều đã điểm sương... Và nối nhau, anh Ký thì viết bằng chân, chúng tôi viết bằng tay một bài thơ mộc mạc:  
Ngọc Ký suốt đời ký  
Thiền Tâm vẹn chữ tâm  
Bình Bắc thao thức bắc  
Nhưng nhưng mà không nhưng...  
Khách bịn rịn ra về... Bao giờ lại đến cuộc bình văn? Trong ánh điện giăng mắc phố, tôi đã thấy mai vàng nở rộ - trọn cả tháng ngày năm Bính Tý - sáng rỡ lên như mắt bạn...  
Thú bình văn, xuân này tôi gặp lại. Ước những mùa xuân có đủ cả khách văn thuở hoa đào và cả ở thuở hoa mai...

**Nguyễn Quốc Văn**

Thao thức nỗi niềm quê

**Cái "Tâm" trong tục xem chân gà**

**A** i trong đời cũng trải qua một thời thơ bé. Có lẽ ít đứa trẻ không thích được gặm chân gà trước khi mâm cỗ dành cho mọi người được bưng xuống. Tôi cũng vậy thôi. Nhưng tôi biết có hai cái chân gà không được vòi mẹ đưa cho bằng được. Nó gắn với một tập tục. Cũng như mọi tập tục, nguồn nước lọc ta đến trong suốt mà ta nào có hay, chuyện về hai cái chân gà này thấm vào tôi như mưa xuân thấm vào đất, rượu thấm vào lòng. Như một mảnh hồn dân tộc hiện ra qua một vật, một việc bình thường, bé nhỏ ...  
Ơở nhà quê, hết ngày mồng ba, người ta thường làm cỗ và hóa vàng tiễn tổ tiên sau những ngày về ăn tết với cháu con. Bữa ấy, con cháu nhất thiết phải đủ mặt ở nhà người trưởng nam. Người có vai vế lớn nhất trong nhà thường được mời cầu khấn trước bàn thờ tiên tổ. Làm như vậy chẳng qua để tỏ lòng tôn kính người già. Có lần, tôi thắc mắc hỏi bố: "Bố ơi, sao ông trẻ còn ít tuổi thế mà vẫn được vái trước bố?". Bố tôi cười: "Ông ấy bề vai ông nội con. Bố còn gọi là chú kia mà?". "Thế bao giờ thì bố thay ông trẻ?". "Chẳng bao giờ. Vì ông trẻ chỉ bằng tuổi anh cả nhà ta ...". Ông trẻ tôi khấn vái đã xong, với tay lấy hai cái đĩa nhỏ bên trái bàn thờ. Đó là hai cái chân gà của con gà trống giò mà bố tôi đã hóa kiếp vào đúng đêm ba mươi. Con gà luộc, đặt trên một đĩa xôi lớn. Bên trái phía ngoài đĩa xôi đặt hai cái chân gà, bên kia là ba nén nhang đặt nằm song song. Phần bàn chân gà quay ra ngoài, cùng chiều lửa đỏ của hương đang cháy hướng về phía trước. Tàn nhang cuộn tròn, khói nhang quấn quít. Những ngón chân gà luộc quắp lại ... Âấy là may. Âấy là trời đất, tổ tiên đã nhận lòng thành. Âm đã gặp dương ... Ông trẻ tôi đưa hai cái chân gà cho bố tôi, mắt ánh lên: "Anh coi kỹ mà xem, ngón nào cũng co, cũng chụm. Gân xanh, da trong, khô đều ...". Bố tôi đưa hai tay đỡ lấy cặp chân gà. Xong, một tay ông thò vào túi áo, mở và đeo đôi mục kỉnh gọng đồi mồi để nhìn rõ hơn, chăm chú xem. Ông tán: "Âm dương hài hòa. Cháu con xum họp. Ăn nên làm ra. Ơ này ...". Ông trẻ tôi giật mình thót người "Cái gì?". "Có một cái chân ngón cái hơi choãi. Các cụ có vẻ chưa bằng lòng ...". Ông trẻ tôi và mọi người trầm ngâm hẳn xuống. Bố tôi vỗ vỗ vào trán. Ông là người thạo chữ Nho, cả họ đều nể vì. Ông bảo: "Điềm này phải gả chồng cho cô Tí ...". Cô Tí tôi yêu chú Tuất đã sáu năm. Nhưng ông trẻ tôi thề sống thề chết không chịu gả. Ông trẻ nói cô chú ấy không hợp tuổi nhau ... Việc ấy khiến cõi âm cũng động lòng vì tuổi tác nào có can hệ gì! Tôi nhớ giữa mùa xuân năm ấy, đám cưới cô chú tôi vui như hội. Chú Tuất cứ ôm lấy vai bố tôi mà khóc. Còn bố tôi, ông lặng lẽ cười ... Sau này, khi tôi đã vào độ tuổi bốn mươi, bố tôi mới gọi riêng ra một chỗ và tiết lộ rằng : chính ông đã lấy một cái kim nhỏ thuôn vào ngón cái của cái chân gà kia. Ngón chân gà có cái kim khi đem luộc, không thể nào co lại được nữa ... Làm trưởng nam, giữ việc coi chân gà, khó thế đấy! Tôi hiểu vì sao người xem chân gà phải trải đời. Thực ra chân gà nào luộc lên mà các ngón chẳng co khép lại, gân chẳng xanh, da chẳng trong? Điềm lành đã dành sẵn cho lời tán của người xem. Có muốn nói điều xấu, điều ác cũng không được. Cha ông ta bày ra tục lệ thâm sâu đến thế, thế thái nhân tình đến thế là cùng. Đừng tin là duy tâm! Tôi nghĩ vậy và luôn luôn tìm trong những cái bình thường ấy những vẻ đẹp khôn lường trước, nếu hời hợt và nông nổi, không thể nhận ra ... Ví như cái ngón chân gà co lại sao lại được coi là tốt, bố tôi bảo: "Con gà bới đất kiếm ăn chỉ bằng ba ngón, nó chống lại kẻ thù thì nhờ thêm ngón cái và cựa sắc phía trên. Co ngón lại là tỏ sự hiến dâng. Co ngón lại cũng là báo bình yên...". "Còn đường gân xanh, da trong và khô?". "Là lòng thành đấy con ạ. Xanh và trong để dễ nhận. Khô để dễ gần ...". Những cách suy luận ấy thiên biến vạn hóa, hướng về lẽ phải...". "Nó có hướng về người nghèo không bố?", tôi hỏi. Bố tôi trầm ngâm, không trả lời vào câu hỏi, mà chỉ dặn: "Con gà cúng đêm giao thừa, con nhớ mua gà giò, đừng béo quá. Nó vừa với túi tiền của tất cả mọi nhà!".

**Nguyễn Quốc Văn**

Thao thức nỗi niềm quê

**Bữa tiệc rau đầu xuân**

**A** nh chị đều là bác sĩ. Nặng lòng quê, cứ 29 Tết, cả nhà lại ra sân bay Tân Sơn Nhất, về quê ăn Tết. Họ về tới Vị Xuyên vào đêm 29. Ăn Tết ở Nam Định đến hết mồng một, trưa mồng hai, cả nhà lên Hà Nội, ăn Tết bên ngoại, trên đường Láng. Mới chiều mồng 8, anh chị và các cháu đã ở Sài Gòn. Nghe kể về chuyến du quê, nghĩ mà thèm! Chỉ cách đây vài năm thôi, chuyện đi Bắc về Nam như vậy quả là chuyện trong mơ...  
Và, theo lời mời từ trước Tết, giờ lại được mời lần nữa qua điện thoại, chúng tôi - những người bạn cũ của anh chị - tự động đến con đường mới mở sau cư xá Ngân hàng, nơi nhà anh tọa lạc, dự tiệc gặp gỡ đầu xuân.  
Qua đường Nguyễn Tất Thành đang mở rộng, hai bên đường còn ngổn ngang đá cát, ống cống, ống nước, vút qua cầu Tân Thuận mới được sơn màu xanh nhạt nổi bật trên làn nước kinh Đôi đang lên triều, xuống hết dốc cầu thì quẹo phải, chạy dọc đường Trần Xuân Soạn chừng 400m, chúng tôi rẽ vào con đường mới mở chạy suốt từ bờ sông vào Tân Quy Tây. Mới hồi hè tôi có ghé qua đây, thế mà giờ đây vẫn cảm thấy giật mình. Căn nhà hai lầu của anh giờ đây lọt thỏm giữa những căn nhà hai ba lầu bề thế sơn trắng toát mới cất còn thơm trong gió xuân mùi hồ, mùi vôi mới...  
Xe Cub đời cũ, đời mới để chật cả sân. Mới nhất là một chiếc ô tô bốn chỗ của S. Năm rồi công ty TNHH "Nông dân" của anh buôn bán khá phát đạt ...   
Thấy tôi đến, đám bạn thơ reo lên: "Văn xuôi đã tới!", "Đầu xuân đã cày cuốc, đào bới gì mà giờ này mới tới?". Tôi nói tôi phải dạy ca chiều, tan trường mới có thể đi được ... Tất cả cười và vỗ tay ran lên. Chắc mọi người hoan hô ông giáo có xe Dream? ... "Ông giáo lên hương rồi đấy nhỉ". Nhà thơ T gỡ kính, hướng mắt nhìn vào tay tôi, ngón kế út: "Thằng này có vàng? Giàu nhỉ? Nhà giàu đi trễ! Chắc nặng túi...". "Chả nặng thì sao! Đây này...". Tôi nói và giúi cái cặp chứa toàn bài kiểm tra vào tay anh. Anh ôm bụng cười rũ rượi, khen cho sự mẫn cán của anh giáo công chức đầu năm đã gõ đầu trẻ sức bài.  
... Bữa tiệc được dọn lên.  
Những tếng cười ồn ào dần lắng xuống.Tôi nhìn lướt qua bàn tiệc. Tuyệt đối không có sơn hào hải vị gì. "Tiệc rau xuân" như lời bạn tôi mời, chỉ cốt để chúng tôi, những người Tết không có điều kiện về quê, được hưởng sắc xanh quê ... Kìa, ở hai đầu bàn là hai đĩa rau muống mùa đông cằn xào lẫn với tỏi tía. Thứ rau muống này trồng trên vườn, mùa nào cũng xanh non mơn mởn, cọng nhỏ, lá nhỏ và chỉ cần luộc chấm tương Vĩnh Tường, ăn mười năm sau còn nhớ vị. Su hào nếp chợ Chùa, hình dáng dẹp như bánh xe, ruột trắng như tuyết, luộc lên nước ngọt như có pha đường, được chủ nhà xắt thành những bông hoa nhỏ, đảo qua nước sôi rồi vớt vội ra, chấm với nước mắm cốt Hải Hậu. Và kia, vài tô canh cà chua vùng Láng hay Nghĩa Đô đỏ au chen trong màu vàng trứng gà ri Đông Ngạc đang bốc khói. Xà lách, húng, răm, thì là, cần tây, hành tây vùng Láng, thứ thì non tơ mơn mởn, mỡ màng, thứ thì cằn cỗi thu sức sống trong những cọng tưởng đã hóa già ... bày dọc theo bàn ... Bàn dự trữ (nói thế vì lúc dự tiệc chúng tôi có thói quen tự đứng dậy lấy thêm thức ăn nào mình thích để ở bàn bên cạnh) xếp những tấm bánh chưng Vị Xuyên xanh cả đỗ, những chồng bánh giầy giò trắng tròn nõn nà hé qua những mảnh lá chuối lá vẫn còn xanh màu chợ Chùa ... Đất Bắc, quê hương yêu dấu của chúng tôi như tề tựu trong các loài rau cỏ ... như có hồn kia. T chớp chớp mắt ngó lên trần nhà...  
Tôi bồi hồi như đang sống cảnh quê. Chai rượu Kiên Lao nút lá chuối đã được nhà thơ T thay mặt chủ nhân bật nút. Hương nếp đồng Bắc Bộ lan tỏa mùi nắng sông Hồng. Chúng tôi cùng cụng ly, chúc cho đất nước thanh bình, mọi người hạnh phúc trong cuộc sống mới của năm mới ... Rồi tất cả cùng uống cạn ly rượu quê cay nồng, lòng chợt nhớ về những miền quê xa xưa đói nghèo giờ đã đổi thịt thay da theo bước đi lên của cả nước trong thời vận mới... "Rượu cay, báo những điềm may...", T nói.  
Khuya, chúng tôi chia tay nhau. Bạn tôi không quên bỏ vào bịch ni-lông các thứ rau quả, bánh trái và cả một "cút" rượu nếp để chúng tôi đem về cho người không có điều kiện dự tiệc rau đầu xuân. Không hiểu sao, ai cũng có một bó mùi già...

**Nguyễn Quốc Văn**

Thao thức nỗi niềm quê

**Phiên chợ - Đời người**

**S** au Tết, nhằm chiều mồng bảy, tôi vừa giong trâu từ ngoài đồng về tới lối rẽ về nhà đã thấy bố tôi đứng đợi sẵn ở bến nước ven sông. Bên cạnh người, cái cày và cái bừa vừa được đánh sáng loáng, xếp cạnh nhau trên một vạt cỏ xanh.  
Vẫy tay ra ý bảo tôi họ trâu lại, người khẽ nói: "Con lấy bòng bong tắm cho trâu. Nhớ kì cọồ thật sạch sẽ. Mai bố con ta dắt nó đi chợ Giềng chơi một buổi!". Thấy tôi ớ người ra, bố tôi cười: "Cho nó lấy may ấy mà! Nó vất vả cả năm, hưởng một ngày vui, cũng là xứng đáng thôi!".   
Dặn tôi xong, bố tôi - vai vác cày, vai khoác bừa - chậm rãi đi về nhà. Bóng người cong cong lẫn vào bóng tre nghiêng trong chiều mờ mờ mưa bụi bay.  
Nước sông quê đầu xuân âm ấm. Con trâu như cảm nhận được điều đó, vui vẻ lội tòm xuống bến .Vừa kì lưng cho trâu, tôi vừa nựng nó: " Sướng nhé! Mai được đi chợ Tết. Rồi thế nào mày cũng được bố tao thưởng cho một cái bánh chưng rõ to. Cứ gọi là nhất mày đấy!".  
Suốt đêm mồng bảy, mặc dù đãứ được tôi lót ổ nằm cho ấm, con vật chốc chốc lại đứng dậy, gõ sừng, khua gióng cồng cộc. Hình như nó cũng mong trời chóng sáng tựa tôi vậy. Ơờ, một năm mới có một lần, ai mà chẳng mong , chẳng đợi?  
Vào khoảng canh tư, một bàn tay ấm nóng vỗ vỗ nhẹ vào mông tôi. Tôi thức cùng tiếng bố gọi khẽ: " Dậy thôi con! Cơm nước xong, ta phải đi ngay mới kịp chợ!".  
U tôi đã dậy từ lúc nào không rõ, cơm đã nấu xong, bát đũa đã sắp sẵn trên chiếc mâm đồng gia bảo qúy...  
Ngoài chái nhà, hai chồng rổ rá bố tôi đan suốt trong tháng Chạp mới được đem xuống từ gác bếp, xếp bên cạnh cái bừa của bố tôi.  
Từ bên kia giậu, bà tôi đã gọi với sang: " Nhà Mão cơm nước xong chưa thì đi rỗi, kẻo chẳng còn chỗ mà bày hàng đâu". Bố tôi vội đặt bát cơm xuống mâm, nói to: " Xong rồi u ạ. U chờ nhà con đi một thể cho vui". Bà tôi giục: " Dưng mà nhanh nhanh lên nhá! Lâu qúa, tôi chả đợi đâu đấy!".  
Một lát sau, cả nhà tôi đã hòa vào dòng người đi chợ. Bà tôi đi trước, áo lương màu nâu, thắt lưng màu tím, thúng đội trên đầu, hai tay vung vẩy giống như đang múa. Tôi biết trong cái thúng bà đang đội chỉ có vài bơ gạo nếp cái hoa vàng, mấy bó rau muống cằn bà mới hái ngoài vườn chiều hôm qua. Tôi chỉ lấy làm lạ là:Từ hôm mồng ba Tết, bà đã đi tới ba bốn phiên chợ quanh vùng như chợ Thượng, chợ Yên, chợ Cổ Gia, chợ Chùa mà chẳng bán được lấy một bơ gạo nào cho gọi là có duyên bán, có duyên buôn...Vậy mà bà vui lắm! Đội gạo về đến nhà, bà gọi ngay anh em tôi sang, cho mỗi đứa một cái bánh đa vừng. Rồi cứ chép miệng chèm chẹp: " Năm nay được mùa, chợ chẳng có ai mua gạo nếp nấu cháo...".  
U tôi quảy hai chồng rổ rá, gánh nhẹ tênh tênh mà cái đòn tre bánh tẻ cũng cứ nhún lên nhún xuống, trông thật vui mắt. Bố tôi đi bên cạnh u, vai trái khoác bừa, nách phải cắp chiếc mâm đồng. U tôi nói với bà rằng: trông bố tôi giống cái hôm ra ở riêng ngày xưa qúa. Ngày xưa tôi không biết thế nào, chứ hôm nay thì vẻ mặt bố tôi tươi roi róí...  
Tôi cưỡi trên lưng trâu, thỏa mắt nhìn dòng người nườm nượp, áo quần đủ mọi màu sắc. Kia, một đôi vợ chồng trẻ, chồng áo nâu sồng, vợ quần lĩnh, áo phin nõn, chồng bặm môi kéo cái xe bò chất đầy vôi cục, vợ vịn hờ vào thành xe, miệng cứ giục chồng đi nhanh nhanh hơn nữa kẻo mà chợ trưa. Và đây nữa, một ông lão buông quần lá tọa, vai vác một bó giấy hồng, bên hông lủng lẳng cái tráp khảm trai. Ôõng đồ đấy ! Trong cái tráp kia, mực tàu , bút lông đủ để viết một trăm câu đối, bài thơ...  
Chợ Giềng năm nay đông qúa! Nhiều người sợ phải chen chúc, ngả hàng ngay ở quán Giáp Nhất bán. Người mang hàng nhẹ, thế nào cũng cố len vào được chợ Chùa mới chịu...  
Bà tôi rỉ thầm vào tai bố và u tôi. Cả nhà cố đến được quán Đôi thì rẽ phải, theo đường bờ ruộng sang Giáp Ba, Giáp Tư, rồi đi vòng ra sau làng Vân Tràng mà đến chợ Giềng.  
Chợ Giềng được mở trên một khu đất trống, ngay bên cạnh bãi tha ma ở phía tây tỉnh lộ số năm mươi lăm, cách thành phố Nam Định chín cây số. Cách đó hai cây số về phía bắc là chợ Xám. Chợ Chùa, chợ Rin ở phía nam, cách cái chợ độc đáo này trên dưới một cây. Các chợ quanh vùng họp tháng sáu phiên, bán đủ các thứ vật dụng thường ngày. Riêng chợ Giềng, năm duy nhất có một phiên, nghiêng về hội hơn là chợ. Tôi biết điều này là nhờ đi chợ nhiều lần, lần nào tôi cũng để ý thấy phần đông người đi chợ không nhằm mục đích mua bán, hình như, đối với họ, đi chợê chỉ để du xuân mà thôi.  
Rồi cả nhà tôi cũng vào được một góc chợ. Bà tôi đặt mấy bó rau trên một tấm ni lon trải trên mặt đất, thúng gạo nếp cái bà để ở phía trong. Người ta hỏi mua gạo, gía mỗi bơ chỉ có tám hào, không hiểu sao bà cứ đòi đồng tám.  
U tôi thì bán rổ rá như thể cho không. Tám hào hay một đồng, muốn lấy rổ hoặc rá, xin cứ tuỳ ý...Rổ rá hết, bố tôi bảo u tôi số may, năm mới đã phát tài to, bây giờ thử bán con trâu xem sao! Dặn dò u tôi xong, bố kẹp cái mâm đồng vào nách, vẫy tôi len vào khu bán đồ cổ.  
Năm nay bố tôi chọn chỗ ngồi cạnh một ông lão trưng lư đồng. Cái lư to qúa! Tôi ước chừng mình vòng tay ôm không xuể. Chiều cao của chiếc lư xấp xỉ tới tai tôi. Người đến ngắm chen chúc ở đằng trước , đằng sau. Chỉ có một người dám hỏi: " Thưa cụ, chiếc lư quý này độ bao nhiêu thì cụ để lại ạ?". Ông lão nheo mắt, ngắm người mua, hóm hỉnh nói: " Thế bao nhiêu thì ông mua được?". "Dạ, con không dám. Nhưng xin được mạo muội trả cụ một tiếng, nếu có gì thất lễ, cũng mong cụ xá cho!". Ôõng lão vuốt râu, cười: " Không hề gì phải khách sáo thế! Xin ông cứ trả một tiếng lấy may...". Người kia ngồi xuống, khẽ khàng : "Ba nghìn, nếu được thì xin cụ để cho con. Biết thứ của này quý báu hơn cả vàng ngọc, ở đời hỏi còn được mấy người, cụ nhỉ!". Ông cụ lại cười. Nụ cười, khiến khuôn mặt vốn đã hồng hào của cụ, sáng rỡ lên trong tiết xuân.  
Lúc người ngắm chiếc lư đã vãn, ông lão quay sang hỏi bố tôi chiếc mâm quý có bán thật không. Bố tôi lễ phép, đáp: " Cũng như cụ, con chỉ đem đi khảo chơi thôi. Đồ ông cha truyền lại, mỗi năm chỉ đem trưng để lấy hơi người , điều đó ai mà chẳng biết hả cụ!". Bố tôi thành thật qúa. Bởi thế, khi thấy có bốn người mắt như dán vào cái mâm đồng nhà tôi, trả giá lên , trả giá xuống, ông lão bán lư cứ tủm tỉm cuời... Lúc họ đi sang dãy hàng bán các bức tranh cổ, ông lão nói khẽ vào tai bố tôi: " Nhìn mấy người đến định mua mâm của ông, tay người nào cũng xách một xâu thịt bê thui, tôi biết đó không phải là những người biết chơi đồ cổ sành. Họ nghĩ đơn giản cái mâm của ông mà xếp vài bát thịt bò xào rau cần, bên cạnh có thêm hũ rượu nếp nữa, thì tuyệt lắm đây...". Bố tôi bảo: " Cụ không biết đấy thôi, nghe giọng họ, con biết không phải người vùng ta. Tiếng nhẹ lắm. Dân buôn chính gốc giả ngây đấy cụ ạ!".  
Mặt trời dần dần đứng bóng. Bố tôi mời: "Trưa rồi, con xin phép đãi cụ bữa rượu nhạt, liệu có được chăng?". Ông lão xua xua tay: "Tôi có cơm nếp nắm đây, nếu ông không chê, ta cùng ăn cho vui...".   
Bố tôi từ chối khéo rồi dẫn tôi đến một quầy phở quen. " Phở chú Lềnh nhá", bố nói và chẳng chờ tôi đồng ý, kéo tôi ngồi xuống ghế. Người hàng phở nhận ra bố tôi trước, chào: " Ông cho cháu đi chơi chợ ạ? Quý hóa qúa... Ông vẫn lấy phở trâu ạ!". Rồi chú Lềnh thoăn thoắt băm băm thái thái trên một cái thớt. Âm thanh của tiếng dao thớt trong phiên chợ Giềng náo nức lạ, nghe y như một lời mời mọc xoắn xuýt của người hiếu khách. Loáng một cái đã thấy chú Lềnh bê phở tới. Bố tôi gọi thêm cút rượu Kiên Lao. Tôi húp xùm xụp, mũi ngây ngất hít vị phở quê. Ngon ơi là ngon! Thấy vậy, bố tôi nháy mắt, ra ý bảo chú Lềnh làm thêm cho tôi một bát nhỏ. Còn bố tôi, người chậm rãi rót rượu vào cái ly mắt trâu màu da lươn, đưa lên mắt ngắm. Rồi người khum tay che miệng, mặt hơi ngửa lên trời, uống cạn một lần...  
Về sau, đi nhiều nơi, ăn nhiều chốn, kể cả những chốn có tiếng tăm, tôi vẫn không sao tìm được hương phở chú Lềnh bán ở phiên chợ Giềng. Nước dùng trong veo, bánh thái to, mỏng trắng, trên xếp những lát thịt trâu luộc mỏng tang chen những cọng lá mùi cằn...Có lúc, tôi cố tưởng tượng mình đang ngồi trong một túp lều dựng vội, xung quanh kẻ đứng người ngồi, chan chan húp húp, í ới gọi thêm đồ nhắm... song vẫn không thể naò tóm được kỉ niệm cũ! Nghe nói chú Lềnh đã dọn lên tỉnh ở. Tiếc rằng tôi không rõ là lên tỉnh nào...  
Ăn uống xong, hai bố con chen chúc mãi mới tới được nơi bà và u tôi bán hàng. Hai người đang ngồi bên một mẹt bánh đúc chấm mắm tôm. Bà tôi hỏi hai bố con đã ăn gì chưa. Dù bố tôi nói là đã cho tôi ăn no uống đủ rồi, bà vẫn mua cho tôi một đệp cháy bánh đúc. Tôi đưa đệp bánh lên miệng, cắn từng miếng nhỏ. Mùi vôi nồng nàn, ngai ngái...  
Chờ cho u tôi ăn xong, bố tôi hỏi: "Trâu nhà ta năm nay có được giá không?". U tôi bảo: " Được giá, tôi bán rồiă !". " Sao lại bán? Mà tôi có dặn u nó bán đâu !". U tôi cười: " May mà tôi không nghe ông. Ông bảo cứ được ba nghìn thì bán. Người ta trả con trâu nhà ta tới những bốn nghìn cơ...". "Thế con trâu đâu?", bố tôi hỏi. "Nó kia. Bà mua cho nó cái bánh chưng. Aân hết, nó cư ănghé ọ , nghé ọ mãi. Tôi đành vơ cả đống lá dong đem đến cho nó nhai, nó mới chịu nằm yên một chỗ đấy"...  
Bà tôi nói: " U mỏi chân rồi. Con trâu cứ để đấy u coi cho. Các con nên dẫn thằng cu dạo thêm một vòng chợ nữa, kẻo năm có một lần, nó phí đi". Nghe bà nói phải, u tôi cầm tay tôi đi hết hàng này đến hàng nọ. Bố tôi tủm tỉm cười đi bên cạnh, nhắc u tôi mua cho bà cái khăn mỏ qụa, sắm cho tôi đôi dép cao su... Lúc sắp trở về, bố đến bên quầy bán thịt bê thui mua ngay miếng lớn nhất.  
Cho mãi đến khi trời tối mịt, cả nhà tôi và con trâu thân thuộc mới về tới nhà. U tôi lội vội xuống ao nhổ một mớ rau cần. Tôi được bố sai đi mời cụ đồ Bỉnh ( thầy dạy chữ nho của bố) và mấy người chú họ sang uống rượu .  
Mảnh trăng non đã hé. Buổi uống rượu họa thơ duy nhất trong năm cũng bắt đầu. Bóng cụ đồ nghiêng xuống bóng bố tôi. Bóng các chú tôi nghiêng xuống bóng tôi, cái bóng như còn cả hơi hướng cuả chợ Giềng mồng tám tháng Giêng...   
\*\*\*  
Cuộc đời dâu bể. Rồi những năm tháng cả nước có chiến tranh. Chợ Giềng bẵng đi đến hơn mười năm không họp.  
Cho đến khi đất nước tắt tiếng súng, tôi trở về trường đại học, học hết năm thứ ba mới thấy chợ được mở trở lại. Và tôi lại háo hức đi chơi chợ, du xuân...  
Iít lâu sau, tôi vào Nam dạy học. Cũng từ đó, chẳng mấy khi được cùng bạn bè dan díu chợ Giềng. Đường xá quan hà cách trở, đồng lương lại bé , giấc mộng du quê trở nên xa vời vợi...  
Đêm giao thừa, vào khoảng thời gian đất và trời rẽ lối, tôi bỗng nghe vẳng từ bên kia sông Sài Gòn chim lợn kêu bảy tiếng. Người ta bảo chim kêu bảy tiếng là vận may. Tiếng chim " bảy hồn" đủ cả khí dương cuả muà xuân. Rồi sang năm mới, ra đường gặp ai, cũng sẽ thấy mặt hồng tươi hạnh phúc!  
Riêng tôi, tiếng chim kia khiến nao lòng. Nao lòng bởi " Nhớ ngày mồng Tám về chơi chợ Giềng". Nao lòng bởi nhớ phiên chợ Giềng cuối cùng được dự... Thả hồn về với quê cha đất tổ, tôi lặng lẽ cúi đầu, mắt ươn ướt đỏ vì hơi men, đi chợ một mình trong tâm tưởng...  
Chợ Giềng tôi đi cách đây mười năm vẫn như xưa. Khác chăng là đã dời địa điểm. Bây giờ, chợ cũ chẳng còn. Thay vào đó, người ta dời bãi tha ma đi nơi khác, dựng lên ở đây một xí nghiệp cơ khí cỡ huyện lẻ. Dấu vết của chợ xưa, vẫn còn hiện diện trong một cây đa xum xuê cành lá. Riêng cái quán lợp rạ và hình ảnh bà lão tóc bạc trắng "nước thời gian" trong thơ Đoàn Văn Cừ, chỉ còn là hoài niệm...  
Còn nhớ những năm nào đi chợ, tôi như bị chết mê chết mệt, chỉ quẩn quanh bên những món đồ cổ. Tôi dư biết chẳng bao giờ có thể mua nổi những món hàng quí giá ấy. Thôi thì mỗi năm được thỏa thích nhìn ngắm một lần, chết cũng không còn ân hận...Có đến tám năm liền, tôi chết lặng bên một bức tranh vẽ bằng nhọ nồi đun củi trầm hương và đất hoàng thổ nuí Tản Viên (ông lão chủ tranh bảo thế) vẽ hình một ông lão mắt lơ đễnh nhìn trời thu, buông câu bên trúc, liễu...Khuôn mặt ông như thoát tục đã thành tiên, sao đôi bàn chân, lạ quá, giống chân bố tôi, một lão nông, như tạc: mười ngón chân bám nhiều trên đường trơn nên cứ như tãi thưa ra... "Chân người Giao Chỉ xưa", bạn tôi nói nhỏ vào tai...  
Đến năm thứ chín, ghé chỗ xưa không thấy người và tranh nữa, tôi ngồi nhìn xuống cỏ, bỗng một cô gái ném cho một mảnh giấy hồng. Tôi ngơ ngác nhìn quanh, giở ra đọc. Những bài thơ tình thời Xuân Diệu viết bằng thứ chữ học trò bỗng xôn xao, từ ngữ xưa tưởng đã nhàm, ai ngờ vào tiết xuân, tự nhiên động cựa xôn xao. Tôi bỏ cả bạn bè đuổi theo tiếng cuời tinh nghịch kia. Ô, cô em gái của một người bạn! Từ đấy, cho đến hôm nay, chúng tôi vẫn viết tiếp những vần xuân...Cũng là duyên nợ cả! Chỉ tại cái chợ đa tình kia!  
Có một lần, tôi hỏi bố sao tên chợ lại là chợ Giềng. Bố tôi trách: " Bố những tưởng anh học cao thì biết rộng. Thế đến cái tên chợ cũng không biết đến gốc thật a?". Tôi thú thật: chúng tôi học nhiêù quá, biết nhiều quá, đến nỗi, nhiều cái nhỏ, cái cụ thể, không biết nữa! Lạ lắm thay? Giận đấy, nhưng khi thấy tôi tỏ ra thành thật với sự dốt nát của mình, bố tôi cũng giải thích để tôi rõ. Vì thế, cho đến bây giờ, tôi cũng không biết ông cụ dựa vào sách vở nào. Đại ý thế này: Vào khoảng đời Lý, sư Không Lộ cho xây chùa Cổ Lễ, chùa Bi, chùa Thượng ở Nam Trân. Chùa xây xong vào mồng Tám tháng Giêng. Dân chúng đến mừng, đông quá, tụ lại cách chùa Bi cả cây số mà thành chợ. Chợ họp vào tháng Giêng, gọi chệch tên mà thành... "Thế chợ Giềng ở Vụ Bản, chợ Giềng ở Viềng, Mỹ Lộc thì sao hả bố?". Bố tôi bảo: "Chợ Giềng Nam Trân người đến hàng năm dài như rồng như rắn, đen một góc trời.Từ Vụ Bản qua, từ Mỹ Lộc xuống phải đi đò. Đò chở không hết người. Người đi chợ tụ lại mà thành chợ Giềng mới là vậy...". Nghe rất có lý. Tôi thấy có lý vì chưa tìm được một chứng cớ gì về nguồn gốc xưa. Mặt khác, giải thích như bố tôi cũng đã là quá đẹp. Về sau, hỏi một số cụ già trong vùng, tôi cũng chỉ được trả lời tương tự thế...  
Thường những dịp ấy, khuya lắm tôi và lũ bạn nhỏ mới kéo nhau về, vừa chạy trên đường, vừa hò hét bắt chước giọng điệu của một gánh chèo hay một gánh tuồng diễn không bán vé vào đêm có chợ.  
Đêm tháng Giêng tối trời, lất phất mưa bụi bay. Lúc này mới thấy rét...Sớm mai, vẫn chẳng thiếu một đứa nào trên sân đu ngoài diệc mạ gần chợ Thượng .  
Ô kìa, bố tôi hôm nay áo chùng the đen, tay lại cầm ô đi trước, u tôi áo lương dài khăn mỏ quạ, xách tay nải đi sau. Tôi biết ấy là lúc hát chèo văn có kèm lên đồng ở các nhà thờ họ đã bắt đầu...  
Năm tháng qua đi, đất nước trải qua chiến tranh, rồi trở lại thanh bình. Chúng tôi như chim bay khắp phương trời, dự vào những cuộc hội lớn của công cuộc tái tạo đất nước. Kẻ xuôi Nam, người ngược Bắc...Có điều, tôi biết: trước mùa xuân, chẳng mấy ai quên lời:  
Nhắn ai đi ngược về xuôi  
Nhớ ngày mồng Tám về chơi chợ Giềng  
Chợ Giềng năm có một phiên...  
Vợ tôi bảo năm nay tôi đâu có đi chợ Giềng một mình...  
Trong cái thành phố lắm chợ này, liệu tôi có tìm được cho mình một chợ Giềng?

**Nguyễn Quốc Văn**

Thao thức nỗi niềm quê

**Đền Hùng trong lòng người Việt**

**T** rước khi đất nước liền một dải trọn vẹn (1973), tôi là một người lính, thuộc sư đoàn 338. Trong một thời gian ngắn, tôi sống trên đất Thậm Thình.  
Đêm đêm, nằm dưới chân núi Nghĩa, tôi cố lắng nghe trong tâm tưởng tiếng chày giã bánh giày giò của chàng Lang Liêu hiếu thảo, tiếng giã gạo dâng vua cha của những nàng công chúa... nhưng chỉ thấy tiếng rì rầm của những đoàn xe chở quân, kéo pháo rầm rập, rung cả đất chuyển động về hướng Nam ...  
Sáng ấy là chủ nhật. Tôi được nghỉ phiên trực chiến, được phép tự do những 10 giờ. Tôi bèn rủ đại úy Phạm Ch. (lúc đó là trợ lý tuyên huấn ở Phòng Chính trị sư đoàn) lên núi Nghĩa thăm viếng các vua Hùng.  
Con đường đất đỏ rẽ từ quốc lộ số 2 lịch sử ngoằn ngoèo như rắn lượn: Hai bên đường xanh đến non tơ những rừng bạch đàn trẻ. Tre ngút ngàn ken dày thành lũy che chắn những căn nhà gỗ lợp lá cọ dầu dãi nắng lửa mưa ngàn đất trung du... Thi thoảng, cả hai ngơ ngác trườc những nụ cười như mơ của mấy cô gái hái chè ngang đồi cọ xòe ô xanh nắng, hay bối rối trước mấy câu hát ghẹo táo bạo đến bất ngờ của mấy cô gái khác đang nhặt cỏ lúa dưới những chân ruộng chằm. Có một cô thụt xuống bùn chằm, bùn lút đến ngang bụng. Các cô cười ré lên, xô nhau chạy lên bờ, cô này dắt tay, cô kia cầm mũ đòi chúng tôi xuống cứu. Làm thành một hàng người (anh Ch to khỏe đứng đầu, tôi đứng cuối) chúng tôi hò dô kéo cô gái lên. Thoát hiểm, cô lấy bùn ném bùm bụp vào các bạn bởi các cô nói ai đã cầm tay tôi, phải cố mà yêu lấy lính ... Tên cô là Dung. Nghe nói giờ cô đã có con đi bộ đội!  
Tên cô gái khiến tôi và Phạm Ch giật thót mình khi cùng soi gương mặt lính ở giếng Tiên Dung. Giếng dưới chân đền Hạ, nước trong vắt như tấm lòng người con gái đất Phong Châu. Thảo nào mắt cô Dung trên ruộng chằm trong vắt.  
Đường lên đền Thượng cũng là đường lên trời. Ngước mắt lên, trời mênh mông qua những tán lá chò, ngàn năm còn lấp loáng nước đằm mướt. Qua kẽ lá, tôi nhìn thấy những biểu tượng rồng, mắt cũng hướng lên trời trên mái đền ngói cổ rêu phong đen sạm ... "Lên tới đó cũng còn xa nhỉ", Phạm Ch thở dốc, áo lính xanh ướt đẫm mồ hôi, mặt đỏ như uống rượu. Tôi ngồi bệt xuống đá, bảo: "Cả ngàn bậc cơ đấy ...". "Phải rồi, bậc ngàn năm ...", Phạm Ch cười ...  
Lên tới đền Thượng, chúng tôi ngồi nghỉ dưới gốc đa già. Tôi nghĩ là gốc đa vì Phạm Ch chợt liên tưởng: "Con đường này giống như đường đến đình làng quê tớ quá. Có điều khác, quê tớ ở Nam Định, vùng chiêm trũng ấy, con đường làng và cả con đường đồng nữa, trâu bò đi nhiều mà thành những bậc thang ... Hồi nhỏ, đi học, bọn tớ cứ phải nhảy cò qua những bậc thang ấy ...". Anh bật cười thành tiếng khi tôi nói con đường đi tới đền dẫn vào con đường lên đền Thượng chính là một con rồng, đầu rồng là trái núi Nghĩa, hồn sông núi linh thiêng ...  
Lúc cả hai phóng tầm mắt về bốn phía, Phạm Ch bỗng trầm giọng, vẻ xúc động bảo tôi: "Có lẽ cậu đúng ! Tớ đã thấy ...". Xa mờ phía chân trời, bên kia là Ba Vì, bên này là Tam Đảo, sừng sững. Chín mươi chín ngọn đồi xung quanh vùng Phong Châu - chín mươi chín con voi đều châu đầu, vươn vòi về đất Tổ... Ba dòng sông, nhưng chỉ hai sắc - sắc đỏ kiêu hùng của sông Đà, sông Hồng và sắc xanh dịu như tình mẹ của sông Lô - dồn tụ nơi ngã ba Hạc (Việt Trì ) mênh mông nước quẩn, như quyến luyến đất cha trước lúc đổ về phía đồng bằng Bắc Bộ. Chưa bao giờ tôi cảm nhận được non sông ta gấm vóc như lần ấy. Lời dặn dò của Bác Hồ vẫn như còn vang lên trong tâm thức chúng tôi "Các vua Hùng đã có công dựng nước. Bác cháu ta phải cùng nhau giữ lấy nước ...", làm cho "non sông ta ngày một tươi đẹp hơn", "đàng hoàng, to đẹp hơn".  
Đã hơn hai mươi năm xuôi Nam theo con đường chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử, tôi chưa có dịp quay lại Đền Hùng. Nhưng đi đâu, tôi cũng thấy dáng núi sông, dáng làng xóm, phố phường hao hao nét đất Tổ xưa. Làng xóm, phố phường luôn quần tụ quanh những trung tâm văn hóa, hành chính, và xóm làng nào, thành phố nào trên đất nước ta không gắn với những con sông?... Nét Việt cổ xưa vẫn sống mãnh liệt, hiện diện đến bây giờ.  
... Cách đây một tuần, nguyên thiếu tá Phạm Ch, tìm đến thăm tôi. Anh khoe đã về thăm lại được Đền Hùng. Anh bảo: "Cậu có về đất cũ cũng khó mà nhận ra. Việt Trì giờ như mơ. Lâm Thao, Phù Lỗ, ngã ba Then nhà cửa mọc lên san sát... Nhà của công nhân su-pe Lâm Thao và Nhà máy Giấy Bãi Bằng ấy. Chắc cậu còn nhớ nền cũ của doanh trại bỏ không của Tiểu đoàn 19? Bãi hoang ấy, giờ là một nhà máy giấy to bậc nhất nước ta đấy"...  
Thấy tôi có vẻ buồn, anh an ủi: "Hay là tớ và cậu sang Thảo cầm viên thăm...Đền Hùng? Vì cậu vẫn bảo tớ ở đâu chẳng có Đền Hùng! Đền Hùng trong lòng người Việt, phải không?".

**Nguyễn Quốc Văn**

Thao thức nỗi niềm quê

**Đám giỗ thầy đồ**

**T** rước kia, có hai lần tôi được xem đám giỗ thầy đồ, một lần ở quê tôi và một lần ở Đô Quan (còn gọi là Đô Đò), quê hương nhà thơ Đoàn Văn Cừ. Tiếc rằng lúc đó còn quá nhỏ, không nhớ hết. Chỉ nhớ lần nào cũng được một nắm xôi gấc, bên trong có một miếng thịt gà ...  
Cho nên, khi thầy PhạmTiến (lúc đó là Hiệu trưởng Trường chuyên Lê Hồng Phong, Nam Định) rủ đi dự đám giỗ cụ Đồ Quí, người thầy khai tâm của ông ở xã Yên Tiến (huyện Yý Yên, tỉnh Nam Hà), tôi đồng ý ngay.  
Vào một buổi chiều tháng giêng năm 1982, theo hẹn trước, tôi và thầy Tiến mang hương hoa đi viếng thầy xưa.  
Tới ga Cát Đằng, chúng tôi rẽ vào một con đường đá khá nhẵn nhụi. Dọc hai bên đường, tôi thấy những là cờ màu trắng viền đuôi nheo đen bay phấp phới và lấy làm lạ vì không có đám ma nào. Thầy Tiến giải thích : "Cậu biết đấy, đám giỗ thầy là đám của cả làng. Cờ cắm dọc từ bãi tha ma về làng, chẳng qua cũng như biển chỉ đường bây giờ ấy, để cụ Đồ, các bậc phụ huynh, các học trò đã khuất... biết lối về với cháu con...".  
Ơở một ngã ba đường, tôi lúng túng chưa biết rẽ đâu thì thầy Tiến đã cười, bảo: " Cậu viết văn mà chẳng tinh chút nào cả. Cứ theo cờ cắm mà đi. Bao giờ gặp lá cờ to nhất có chữ Sư (Thầy) là đã tới nơi".  
Do thầy Tiến giới thiệu, tôi được đón tiếp theo nghi lễ khách. Một ông già mặc áo đỏ, tóc bạc trắng như cước đến kính cẩn cúi đầu, vái ba cái để chào tôi: "Mời ông vào nhà trong. Quí hóa quá! Được ông đến viếng, thật vinh dự cho đám trò nhỏ chúng tôi!". Chao ôi, tôi chỉ xứng tuổi cháu của người "trò nhỏ" này. Thấy tôi có vẻ áy náy, thầy Phạm Tiến nói nhỏ vào tai: "Đây là lệ. Cậu khỏi phải lo. Ông già này học cụ Quí từ những năm 20 đầu thế kỷ. Đã từng là cán bộ ngoại giao, đã về hưu rồi ...".  
Để ý, tôi thấy cứ một lát lại có những cô gái trẻ, khăn vấn, áo tứ thân thắt dây lụa xanh, đội những mâm trên có phủ vải điều tới. Một ông lão áo chùng đen, đầu đội khăn xếp đen, cứ mỗi lần đỡ mâm từ tay các cô gái đặt lên bàn thờ thầy, lại quay sang vái những người đàn ông mặc áo lương màu gụ hoặc màu nâu, màu xanh ... đi bên cạnh ba vái. Hỏi thì được biết đó là "lễ" của các học trò. "Lễ" phủ kín không cho ai biết lễ sang, hèn, giàu, nghèo, nhiều, ít ... "Lễ" chỉ là chút lòng thành. Người nhận lễ là kẻ thay thầy nhận lễ, được cử trong những học trò được làng xóm kính trọng về đạo đức. Thầy Tiến kể: "Xưa thầy dạy chúng tôi câu "phú quí sinh lễ nghĩa" thế này: phú chỉ sinh ra lễ, còn quí mới sinh được ra nghĩa. Trò nghèo, chỉ có dăm ba con cua, bát gạo, cút rượu... mà vẫn có thể tỏ được lòng mình ...".  
Bỗng một hồi trống kèm thanh la vang lên. Tiếng trống trường? Tiếng thanh la vĩnh biệt? Quá khứ và hiện tại cùng rung ngân một lúc nhắc nhở mọi người. Giờ tế lễ đã đến !  
Ông già mặc áo đỏ, tóc bạc phơ đón tôi ban chiều kính cẩn đứng trước bàn thờ trên có treo bức họa hình thầy. Ông châm một nắm nhang, rồi đưa cho một ông lão đứng bên trái bảy nén, ông lão bên phải chín nén. Còn ông, tôi thấy rõ: ông chỉ cầm có ba nén nhang. Cả ba phủ phục trước bàn thờ thầy, dập đầu xuống đất ba lần. Họ lạy trời, lạy đất, lạy thánh nhân (mà thầy là hiện hữu). Sau đó, họ quay đủ bốn phương, tám hướng vái lần thứ nhất bảy cái. Thầy Tiến bảo tôi những cái vái ấy để tưởng nhớ cả chúng sinh, tưởng nhớ cả những ai đã thấm "đạo" của thầy ...  
Bài "Văn tế thầy" của ông "trưởng tràng" già nhất dài lê thê, buồn não nuột, gợi nhớ người xưa với một niềm ngưỡng vọng khôn nguôi. Những ai từng theo học thầy đồ Quí, đều phải quì xuống để nghe. Ơở nhiều đoạn, tôi liếc ngang và thấy có những ông già lấy khăn hay vạt áo chùng chấm chấm mắt ... Họ đang sống lại ngày xưa với thầy, với bạn và với cả tuổi thơ của chính mình.  
Khuya, "lễ" được hạ xuống, bưng vào nhà trong. Đám thanh niên trong làng được cử đến giúp đám giỗ, chia thành nhiều mâm. Mâm cỗ thết khách có đủ cả "lòng thành" từ tất cả các mâm "lễ". Là một người dễ xúc động, nước mắt tôi bỗng trào ra khi nhìn thấy một thanh niên đang xắt một vắt cơm và đang xé vụn một con ếch đồng nướng vừa được lấy ra từ một mâm lễ phủ vải đỏ, rồi rắc đều vào mỗi mâm một ít cơm, một chút xíu thịt ếch.  
Tôi là khách, được mời ngồi với các "trò" cao niên nhất ở chiếu hoa giáp với bàn thờ. Nằn nì mãi mới được phép, tôi đi dọc theo các chiếu trắng, đến mâm cỗ dành cho các "đàn em út" ngồi trên chiếu vỉ. Ở đây có thầy Phạm Tiến, ông bí thư huyện ủy và một viên tướng... Viên tướng bốc được cái đùi ếch. Ông đưa cho bí thư : "Cho mày cái này... Tao nghĩ cả đời đi học, rồi đi đánh giặc, hòa bình giành được rồi, chẳng lẽ...". Ông bí thư vừa uống rượu, nước mắt chảy cả vào chén rượu, vừa gật gật ...  
Nếu gạt bỏ những hủ tục sang một bên, rõ ràng đây là một sinh hoạt văn hóa đẹp của dân tộc.  
Còn không những đám giỗ thầy đồ Yên Tiến - vùng quê từng sinh ra biết bao nhiêu trạng nguyên, bảng nhãn, thám hoa, vùng quê giàu truyền thống "tôn sư trọng đạo"?  
Lẽ nào ta có thể quên một nét đẹp văn hóa cổ xưa vẫn còn nguyên giá trị đối với hiện tại?

**Nguyễn Quốc Văn**

Thao thức nỗi niềm quê

**Ngược dòng tìm một mom sông**

**T** ôi sinh ra và sống trọn cả tuổi hoa niên trên vùng đất nổi, ngầm chảy bên dưới là con sông Vị Hoàng mà không hề biết. Đọc thơ Tú Xương, lòng đau đáu tiếc một con sông vô định trong tâm tưởng "Sông kia rày đã nên đồng...", có lúc tôi đã lầm hồ Vị Xuyên bây giờ là di tích còn sót lại in dấu dòng sông Vị ...  
Xa Nam Định, đôi khi nhớ về quê cũ, tôi khát cơn khát nước sông Đào, con sông mà ngày bé thơ tôi ngỡ tên đặt cho nó được chắt ra từ màu nước đỏ phù sa. Cùng với những biến thiên của lịch sử, con sông Đào góp phù sa làm biến đổi một vùng đất.Theo sử cũ, sông Vị Hoàng là con sông được đào vào đời Trần, nối sông Đáy với sông Vĩnh Tế (Vĩnh Giang) chảy quanh co quanh phủ Thiên Trường xưa. Sách Việt sử thông giám cương mục cho rằng: "Việc đào sông Vị Hoàng đã chặn mất long mạch nên nhà Trần mất ngôi".  
Năm Minh Mạng thứ 13 (1832), do sông Vị Hoàng chảy xiết, làm bờ sông ngày càng xói lở, khu phố buôn bán phía Đông-Bắc thành Vị Hoàng có nguy cơ bị mất: thể theo nguyện vọng của địa phương, nhà vua cho đào một con sông mới để chia sẻ dòng nước từ kênh Phù Long đến bến đò Lương Xá, tách làng Vị Hoàng thành hai làng: Vị Hoàng và Vị Khê. Nước sông Hồng đổ vào sông Đào đã được nối với sông Đáy chảy rất mạnh, con sông Vị lững lờ trôi và bị phù sa lắng đọng, bồi lấp dần.  
Đến thời Trần Tế Xương, sông Vị Hoàng đã bị lấp dần theo tốc độ đô thị hóa. Hai mươi ba năm sau ngày Trần Tế Xương mất, người Pháp mới cho đào hồ La-két (Vị Xuyên). Hồ đào năm 1930 và bị bỏ dở... Rồi, chẳng bao lâu, vùng đất ấy cũng đã hóa thành phố phường... Dấu xưa nhạt nhòa, mờ ảo dần trong ký ức các thế hệ sau như tôi. Đôi lúc ngậm ngùi, tôi không khỏi trách mình vì vô tình mà ngay nơi chôn nhau cắt rốn cũng không thông tỏ ngọn nguồn...  
Nói vậy thôi chứ hồn tôi luôn nhớ về quê. Cũng như Chế Lan Viên thao thức "Khi ta ở chỉ là nơi đất ở - Khi ta đi đất đã hóa tâm hồn". Nam Định với tôi vẫn còn là một miền quê thân thuộc nhưng có nhiều bí ẩn cần khám phá.  
Tôi đã đi tìm một "mom sông" trong thơ Tú Xương với một nỗi niềm như vậy.  
Theo sách Thành Nam xưa (Vũ Ngọc Lý) và Trông dòng sông Vị (Trần Thanh Mại) và được sự chỉ dẫn của một vài người quen, tôi đã dò tìm ra cái "mom sông" nhiều người cho là đã mất.  
Mom sông nơi bà Tú buôn bán quanh năm xưa không thể là nơi có các bến đò Bích Câu, Trà Lũ, Bến Ngự đến thời Tú Xương "rày đã nên đồng". Nó chỉ còn có thể ở dọc theo con sông Đào trước khi ông Tú sinh ra 38 năm. Nếu tính từ hạ lưu, bên dòng sông Đào có các bến đò như : đò Bái, đò Chè, đò Quan, mom sông ...  
Vị trí của mom sông ngay ở Quán Bánh Giầy phía Đông-Bắc giáp khu Quán Chuột, phía Tây giáp khu Vườn Dâu, đối diện với làng Vị Khê bên kia sông Đào. Ngày nay, mom sông chỉ còn một vệt nhỏ phía ngoài đê bao thành phố, bên trong đê là đường Phù Long chạy thẳng vào Hàng Cót, Hàng Nâu... Ngôi nhà 280 Hàng Nâu nơi ông bà Tú Xương đã từng ở cách mom sông khoảng hơn một ki lô mét... Trên cái vệt nhỏ ấy, theo thói quen từ xưa, dân Vị Khê vẫn mang rau, hoa và các sản vật quê khác qua đò bày bán. Dĩ nhiên, cảnh buôn bán không thể sầm uất như xưa... Theo mom sông ngoài đê, người ta có thể đến làng Long Ngập vốn xưa là eo sông được phù sa bồi đắp mà thành ...  
Chúng tôi đã đứng ngẩn ngơ bên mom sông lộng gió. Mấy cô gái Vị Khê quang gánh rau đã bán hết đang chờ đò ngang ... Tôi nhìn họ, chợt nhớ những vần thơ Tú Xương đã xui mình lặn lội từ thành phố Hồ Chí Minh về đây :  
Quanh năm buôn bán ở mom sông Nuôi đủ năm con với một chồng  
Lặn lội thân cò khi quãng vắng  
Eo sèo mặt nước buổi đò đông ...  
Tôi biết mom sông rồi đây sẽ lở hết... Nhưng cũng như bà Tú Xương - Phạm Thị Mẫn, hình bóng nó sẽ còn mãi trong thơ, in dấu trong những tâm hồn thiết tha với xứ sở cha ông ...

**Nguyễn Quốc Văn**

Thao thức nỗi niềm quê

**Tuyền Lâm, chốn mơ ...**

**Đ** èo Prenn, Đà Lạt. Con đường lên độ cao một ngàn năm trăm thước ngoằn ngoèo ôm lấy những rừng thông thẳng tắp, vút lên trời, tỏa ánh sáng xanh. Không gian rì rào âm thanh. Như có tiếng đàn cầm ai khẽ gảy giữa thinh không lạnh vắng. Một khúc buồn. Rồi cũng từ đó, bỗng vi vút, vi vút những thanh âm lạ và cao. Thông nói. Thác nói. Những lời từ đất âm lên, từ trời vọng xuống... Đà Lạt như chốn mơ có thật!   
Cảm giác lâng lâng siêu thoát ấy đã ngập tràn hồn tôi lúc xe lên tới đỉnh đèo. Mưa. Cơn mưa chiều Đà Lạt làm duyên, ào đến rất nhanh, rồi đột ngột vụt tắt, khoác lên vạn vật một chiếc áo trắng mờ. Xe như chạy trong khói sương ảo ảnh. Tiếc là không gói lại được một chút hơi lạnh để ngày về tặng bạn, thả thơ...  
Đường vào hồ Tuyền Lâm còn đỏ au đất đá bazan. Rừng, vẫn thông. Suối, vẫn tuôn ra từ đá, có lúc nhìn thấy sáng lấp lánh, có lúc chỉ nghe tiếng reo mà không rõ ở nơi nào. Xe như chạy trong dịu êm. Bởi tay lái lụa của anh Huê mấy chục năm trong nghề điêu luyện? Hay bởi đường lên núi Phượng Hoàng, mây đẩy phía sau xe và kéo xe lên phía trước? Như đang bay ...  
Bây giờ trước mắt tôi, đất trời sáng rỡ lên trong mênh mông màu tím. Tuyền Lâm, những mảnh xanh lục ghép lại dưới lô xô đồi núi lặng trầm. Ngẩng đầu, đỉnh Phượng Hoàng, nơi có Trúc Lâm thiền viện, y như một con chim lớn màu xanh cõng trên lưng mình một ngôi chùa Phật hai tầng mái đỏ vút cong. Ngôi chùa vững chãi tựa dáng Phật tổ ngồi thiền, đường nét cứng cáp hòa đồng với sự mềm mại, thâm u nhưng tỏa sáng, trầm lặng ngoài hình hài mà xao động trong tâm linh...  
Theo nhịp chuông như làn nước vỗ nhẹ vào trời, tôi khoan thai bước qua hai trăm hai mươi hai bậc lên chùa. Bên phải, Tham vấn đường, nơi Hòa thượng giảng Ngữ lục, năm mươi vị tăng áo cà sa vàng, năm mươi vị ni áo tu màu xám nhạt và hàng trăm phật tử đang lặng phắc nuốt lấy từng lời của vị Thiền sư đức độ. Đang mùa trả ơn cha nghĩa mẹ, nghe Thiền sư giảng đạo, tôi quay mặt về hướng Bắc, mặc cho hồn bay về phía sông Hồng, nơi có những làng mạc xanh bóng lũy tre mẹ cha tôi vừa đi qua một cơn lũ ...   
Ơở nhà khách, tôi và nhà văn Việt Anh đã lặng lẽ ngồi ghi chép cuộc đàm đạo thú vị về đạo và đời giữa Đại đức Thông Triết và Bộ trưởng ngoại giao Nguyễn Mạnh Cầm... Lần đầu tiên trong đời, tôi hiểu đúng được hai chữ "hạnh nguyện": muốn ước nguyện thành hiện thực, thì phải làm, phải hành động, "giác ngộ": biết rồi mới tỏa sáng được...  
Tôi đã đứng bên quả chuông tạc ở phường đúc Huế, được Thiền sư Thích Thanh Từ chứng minh, nghe non nước cỏ cây từ rừng suối theo gió thoảng, hút vào lòng chuông những tiếng u u lúc có, lúc không. Khẽ gõ phía đáy chuông, tiếng vàng, tiếng sắt ngân nga, gõ lưng chuông, tưởng tiếng người thanh thoát, gõ đỉnh chuông, tiếng đất, tiếng đá, tiếng gỗ... Chị Việt Anh mang kiếng, dán mắt vào những hàng chữ trên vỏ chuông. Tôi giật mình nhận ra cả quá khứ và hiện tại cùng song song trường tồn bất tử hiện qua dòng chữ Hán "Chúng sinh an lạc... Thế giới hòa bình" ở bên trên, và bên dưới là những bài kệ nổi tiếng nhất của Trúc Lâm Đầu Đà (Trần Nhân Tông), của Thiền sư Thích Thanh Từ khắc bằng chữ quốc ngữ : "Nghe tiếng chuông - Phiền não nhẹ - Nguyện thành Phật - Độ chúng sinh ...".  
Từ tháp chuông, mắt tôi phóng tầm trãi rộng khắp mặt hồ. Trên cao hướng xuống, có cảm giác hồ đọng lại bởi bốn dòng suối lớn, cứ hai dòng một đi với nhau thành một đôi song song qua núi rừng cao nguyên rồi tụ lại. Giữa hồ, hai rẻo núi thấp dần trông như hai con rồng thiêng đang chụm đầu vào nhau cùng uống nước xanh. Biểu tượng Rồng Tiên như thu trọn vẹn, hiện hình ở một chốn suối sừng? Lạ kỳ thay!  
Rồi chẳng để tôi đắm hồn trong thiên nhiên mê đắm, sương chiều đã tím ngắt che mờ vạn vật, gọi tôi trở về hiện tại. Ngồi trên xe, tôi hỏi thầm vào tai Bí thư thành ủy Đà Lạt, rằng : Tuyền Lâm có phải là chốn nên thơ nhất ở đây chưa. Anh Giản lắc lắc mái đầu bồng bềnh sương núi, khẽ cười, đọc cho tôi nghe một loạt bài thơ anh viết về Đà Lạt ... Tôi chỉ thực sự hiểu được niềm tự hào kín đáo của anh lúc Mạnh Đạt - người nhạc sĩ hay thổn thức theo tiếng lòng của cỏ cây hoa lá xứ sở - sau khi tự đàn và hát những khúc ca như mê hoặc về vùng đất mộng mơ này, đã nói với tôi ý nhị và khiêm tốn: Thanh âm mà âm nhạc nắm bắt được, vẫn còn phải thở dài trước tiếng thông reo gió, tiếng sóng lao xao dưới trăng mờ hồ Tuyền Lâm ...

**Nguyễn Quốc Văn**

Thao thức nỗi niềm quê

**Đà Lạt ngày trở lại**

**C** uối năm 1996, tôi (Ngô Trần Cường, Việt kiều) từ Pháp về Việt Nam để tìm kiếm một cơ hội đầu tư. Những kỷ niệm của thời thơ ấu trong tôi bỗng thức dậy như sóng xô khiến tôi cứ nôn nao nhớ đất, nhớ người. Nghỉ ngơi một ngày, tôi đã vội lấy vé máy bay đi Đà Lạt.  
Từ Tân Sơn Nhất, chiếc AT-72 lao vút lên lững lờ mây trắng Sài Gòn. Những con đường người xe nườm nượp, những tàu bè xuôi ngược trên sông, những toà nhà cao chọc trời...cứ mỗi lúc một nhỏ dần...Thành phố xoè bàn tay lớn trên nền xanh biếc đồng bằng đang vẫy vẫy...  
Tới Liên Khương, máy bay lượn một vòng trong khói sương bảng lảng trước khi hạ cánh. Qua cửa sổ, tôi bất ngờ thấy đỉnh Di Linh ở phía bắc, đỉnh LangBiang ở phía tây nhô lên từ một biển mây. Rồi, những mảng xanh đa sắc trải dài phía dưới mách bảo tôi nơi đây vẫn còn bất tận rừng già.   
Máy bay lăn trên đường băng sống lại từ cuối tháng 8 năm 1996. Nghe nói, trước 1975 Liên Khương chủ yếu phục vụ cho các chuyến bay mang mục đích quân sự. Sau giải phóng, nó hầu như bị quên lãng nên cứ hư hao dần. Thế mà, giờ đây, mỗi tuần nhà ga đã mở được ba chuyến bay cho các tuyến Liên Khương - Tp Hồ Chí Minh, Liên Khương - Huế.   
Từ sân bay, suốt dọc bốn mươi cây số ô tô về Đà Lạt, tôi như lướt giữa xanh non dâu tằm, rồi bất ngờ chìm vào ánh nắng ngả màu xanh hắt xuống từ những rừng thông. Thông ngút ngàn, trùng điệp. Trên cao, dưới thấp, trước mặt, sau lưng, bên phải, bên trái...Thông gần đến nỗi thò tay qua cửa xe là có thể với được, lại có lúc thông xa vời vợi, mờ trong sương. Ơở dưới nhìn lên, thông thẳng vút tượng hình những mũi tên hướng lên trời.  
Dừng xe bên đường, tôi chạy lên đồi. Thông loang loáng thân đen như những người bạn thuở nhỏ quanh tôi. Ngỡ cây là người, tôi vòng tay ôm một gốc thông. Đã tròn lẳn thế này rồi sao thông ? Nhựa thông màu hổ phách, lưu luyến níu áo tôi. Trời ơi ! Thế mà ở nửa vòng bên kia trái đất, có lần tôi nghe một kẻ ác ý nói rằng: chính mắt họ đã trông thấy rừng thông Đà Lạt bị chặt trụi, đất bazan cứ phơi ra màu đỏ ngậm ngùi...Ai ngờ... Bây giờ, tôi vẫn còn được ngồi giữa một rừng cây, bần thần vơ một nắm lá. Thông Prenn xoè năm ngón như muốn bắt tay người.  
Tôi bỗng nao nao nhớ gốc thông già ở thung lũng Tình Yêu. Lá thông rụng đầy, êm như thể chiếc chiếu trời cho. Tôi và em thường ngồi ở đó, nhìn vào mắt nhau mà thấy cả hoàng hôn giăng tím chiều xứ sở...Tiếc biết bao nhiêu khi KaYang không cùng tôi trở lại cao nguyên thơ mộng trong dịp này! Đã mấy chục năm! Xa vời vợi...  
Xe chạy dọc theo con đường mới mở hai làn lớn, hút vào phố cũ. Phố đồi lô xô thân thuộc đây rồi! Tôi đã nhận ra địa chỉ tôi cần đến, khiêm tốn nằm giữa những khu nhà bề thế đang xây cất dở.  
Một người cao lớn, trắng trẻo, trán cao, mắt sáng, cười thật tươi ra tận cửa xe đón tôi. Anh nắm chặt tay tôi, lắc lắc: " Tôi đợi ngày hôm nay từ lâu lắm rồi! Đã hơn hai mươi năm! Tôi biết...". Tôi cười theo: "Rằng thế nào rồi tôi cũng sẽ trở về! Người tha hương , ai nỡ phụ quê suốt một đời, anh nhỉ!".   
Trong phòng khách, sau khi trao đổi vắn tắt về chương trình làm việc, tôi xin phép anh Giản được dạo một vòng Đà Lạt. Cho đỡ nhớ mong! Cho một cái nhìn thỏa thuê sau bao năm trời cách biệt ... Anh vui vẻ ngỏ ý muốn được trực tiếp làm "hướng dẫn viên" cho tôi, người mà anh gọi là nhà đầu tư quí...  
Tôi vô cùng ngạc nhiên.Vì tới chỗ nào anh Giản cũng có thể đọc thơ cho tôi nghe. Hỏi, anh bảo đó là hồn thơ của các nhà thơ viết về Đà Lạt. Có đôi bài là thơ anh. Rồi đùa: "Thơ chưa xuất bản, tôi đã xuất khẩu trước cho anh đấy nhé ...".  
Ngồi ở nhà hàng thủy tạ trên hồ Xuân Hương, tôi ngắm mây nước thì ít, ngắm anh Giản thì nhiều. Tôi mến anh không phải vì anh là một cán bộ hiếu khách, mà chủ yếu do anh là người có một tâm hồn thi sĩ nhạy cảm, dễ rung động trước vẻ đẹp của thiên nhiên và tình người. Bức tranh Đà Lạt năm 2000 anh vẽ ra trước mắt, đẹp hơn cả một bài thơ. Bài thơ ấy đã dạo những khúc đầu xuân sắc...  
Anh rủ: "Chiều thế này, đến Tuyền Lâm tuyệt lắm anh ạ". Tôi đồng ý:"Thì ta đến đó đi anh. Tôi nghe nói nơi ấy sẽ là...". "Tương lai sẽ là khu du lịch. Vốn đầu tư lên tới 400 triệu đô la cơ đấy...".  
Xe lại chạy. Dọc đường, anh cho tôi biết khu du lịch này lấy hồ Tuyền Lâm làm trung tâm vươn về bốn phía. Phía bắc sẽ chạy tới quốc lộ 20, xuôi tới thác Prenn...Mặt trời chiều bất chợt loé trên đèo. Tuyền Lâm, suối rừng như một chốn mơ với rừng thông khoác tấm áo vàng. Chuông chùa Thiền viện Trúc Lâm ngân nga tan trong sương khói, tỏa trên những gợn xanh đến huyễn hoặc của nước hồ. Tới đây, bụi trần ném lại, tâm hồn thơ thới lạ. Vốn quen kinh doanh, tôi đành thở dài, không biết diễn tả cảm xúc thoát tục của mình như thế nào. Chỉ biết theo 222 bậc lên chùa, chân tôi như có ai đó nâng lên. Cứ như sắp bay vậy...  
Sáu giờ chiều, Đà Lạt đã mờ mờ. Ơở biệt thự số 10 đường Nguyễn Du, tôi mở cửa sổ: cà phê trong vườn xanh đen, hoa hoàng tử đỏ sẫm, cúc vàng rực...Dưới đèn, hoa bìm bịp e ấp tím đến bất ngờ...Nhìn chéo qua vạt rau xanh dưới chân đồi, ánh đèn trên công trường xây dựng khách sạn Dầu Khí bên kia vẫn còn sáng rực lên ...Khuya, hình như có tiếng lộp bộp rơi nhẹ trên lá. Sương sa...   
Sớm mai, tôi tản bộ đến biệt thự số 6 uống cà phê. Quán cà phê chỉ có mấy bộ bàn ghế nhỏ, mái che bằng một tấm bạt. Một giọt sương trong vắt vô tình rơi xuống ly cà phê tôi vừa khuấy. Sương long lanh thành từng chuỗi trên cỏ, trên dây muống dại leo. Đường vắng, thông cao vút, lấp lánh trong nắng sớm mai...  
Tôi bỗng nhớ: hồi còn nhỏ, cứ vào dịp trước Tết, tôi hay được bố dẫn đi săn. Bố tôi là một viên chức kiểm lâm. Ông thuộc rừng Đà Lạt như lòng bàn tay. Len lỏi trong những đồi cỏ tranh Nam Ban, Lán Tranh vùng Đức Trọng cũ, mê mải đuổi theo dấu chân nai, chồn, dúi, nhím...Tôi hét khản cả giọng . Có lần, một con dúi bị chó săn đuổi dồn vào một cái nhà dài. Cả nhà nhốn nháo. Một cô bé đã chụp được con vật. Cô tên là KaYang, con gái của già làng K Ho. Đó là em...Từ đấy, mỗi lần đi săn, bố tôi đều ghé lại nhà già làng. Tôi lấy cớ muốn học tiếng K Ho, xin bố ở lại chơi với anh em của KaYang chỉ vì tôi rất mê tài ngồi trên mình ngựa phóng lao bách phát bách trúng của họ... Duyên nợ của chúng tôi chỉ thực sự bắt đầu khi KaYang lên Đà Lạt, rồi được chọn đi du học ở Pháp cùng một đợt với tôi...  
Lần này, theo anh Giản về Lán Tranh, tôi ngỡ ngàng quá. Xe chạy bon bon trên đường 27 mở sau giải phóng. Vượt qua cây cầu sắt lát gỗ dài 72 mét, xe từ từ leo lên dốc Két. Xưa kia, nơi đây là khu vực săn bắn của Bảo Đại ( Sau này, khu ấy dành cho gia đình Ngô Đình Nhu và Trần Lệ Xuân ). Giờ đây, những đồi cỏ tranh bất tận tới rừng già đã biến mất. Thay vào đó là sắn, khoai, bắp, cà phê xanh đến mỡ màng, mát mắt...  
Ơở bản Di Hin, nơi xưa tôi gặp em, tôi vô cùng xúc động khi được tiếp xúc với một số bà con ở Thành phố lên đây xây dựng vùng kinh tế mới. Họ đều làm việc ở nông trường quốc doanh số 1 do TP Hồ Chí Minh đầu tư. Mỗi hộ được cấp một căn nhà 40 mét vuông, tường xây, mái lợp tôn hoặc ngói. Nhiều nhà có ti vi, xe máy , có hàng trăm triệu đồng gởi tiết kiệm...  
Rẽ sang Công ty trà Cam Lâm do ông Chung Ching Sen người Đài Loan làm Tổng giám đốc, tôi được biết trong số 47 héc ta trà trồng thử nghiệm, 31 héc ta đã cho những tấn trà xuất khẩu đầu tiên. Trà Xuân Mới, Kim Huyên, Thúy Ngọc, Ô Long xanh sẫm, lá nhỏ, sao không nát, nghe nói, khi chế biến xong , bán trên thị trường quốc tế với giá 100 đô la một ki lô gam. Vốn đầu tư của ông Chung chưa phải là lớn lắm, chỉ khoảng 6 tỉ đồng Việt Nam!   
Quay trở lại N ThôiHạ, xe như lồng trên nhánh đường 27 gập ghềnh, men theo những rừng thông non bạt ngàn, chúng tôi đến Nam Ban. Thị trấn của những người đi khần đất này mọc lên từ năm 1977. Đông đúc, tấp nập. Nhà mới, chợ mới, những bảng hiệu mới...  
Hồ Cam Ly Thượng sắp tưới nước cho 600 héc ta đất ruộng và đất đồi của Lâm Hà vừa xây dựng xong. Đập tràn trắng xóa nước. Trắng xoá như thác Voi hùng vĩ đổ xuống từ trời xanh cao nguyên. Tôi đã lặng ngắm một cây si bên lòng hồ. Cây si xưa rễ bám vào một cây đa ngàn năm. Đa đã mục, còn trơ lại những rễ si vặn xoắn vào nhau thành cây mới. Từ thời thượng cổ đến giờ, có lẽ đây là lần đầu tiên những mắt lá si thấy dòng Cam Ly tụ lại, trong vắt như một tấm gương trời...  
Để tiện cho việc tìm hiểu đầu tư, tôi đã dọn đến ở khách sạn Palace. Khách sạn xây dựng từ năm 1922 này vừa được nâng cấp. Bước vào khách sạn, tôi không tin ở mắt mình, ngỡ nơi nghỉ ngơi dành cho du khách đã trở thành một bảo tàng nghệ thuật. Khắp các hành lang, các phòng ốc đều treo những bức tranh đắt giá của nhiều hoạ sĩ nổi tiếng trên thế giới. Có những búc tôi chỉ thấy có ở Viện bảo tàng nghệ thuật Louvre...Nghe giới thiệu, tôi rất thích thú khi biết rằng chúng chỉ là những bản sao tinh vi được đem từ Hồng Kông đến. Các phòng ngủ sang trọng, giá cao nhất tới 360 đô la, thấp nhất cũng phải 120 đô la một đêm (chưa tính phụ phí). Ngang ngửa giá các khách sạn lớn ở các thành phố đắt đỏ như Oasinhtơn, Pari, Tokyô,...mà tôi có dịp trải qua trong những chuyến công cán xa. Ơở đây, tôi được biết thêm: Ngoài 442 khách sạn hiện có trong thành phố, Đà Lạt sẽ cho chỉnh trang 16 biệt thự trên đường Trần Hưng Đạo theo cách liên doanh với nước ngoài để chuẩn bị đón một lượng khách có thu nhập cao ngày càng tăng vào những năm 2000.   
Sau ngày tìm hiểu dự án 9,5 triệu đô la cho chương trình cấp nước Đà Lạt do chính phủ Đan Mạch hỗ trợ, tôi quyết định ở lại suối Vàng một đêm. Từ trên núi nhìn xuống, suối lấp lánh ánh sáng kì ảo của một bông huệ vàng Đà Lạt đang lay động khẽ. Yý định đón xuân ở Di Hin trong tôi bỗng bùng lên trong tôi như một đốm lửa nhỏ. Tôi khát đựơc uống rượu cần, ăn thịt trâu và hát múa theo nhịp cồng chiêng những bài ca ân tình của người K Ho cao nguyên...  
Hăm hở với Đà Lạt, trở lại TP Hồ Chí Minh, tôi háo hức đi thăm các khu chế xuất Tân Thuận, Linh Xuân, các khu công nghiệp ở Đồng Nai, Sông Bé...Ơở đâu tôi cũng gặp những người nước ngoài sớm đầu tư ở Việt Nam thành đạt, niềm nở đón tiếp. Tôi hiểu ra là mình đã chậm chân. Mặc dầu vậy, tôi vẫn chứa chan hy vọng. Vì cơ hội lớn nhất - chính sách mở cửa mềm dẻo và quyêt tâm hiện đại hóa đất nước của chính phủ Việt Nam trong thời kì đổi mới - vẫn còn đang ở trước mắt tôi!

**Nguyễn Quốc Văn**

Thao thức nỗi niềm quê

**Thay chân người tới Cao Lãnh thăm cha**

**S** au bao nhiêu khát khao mong ước, lần đầu tiên trong đời, tôi đến được Cao Lãnh viếng cụ phó bảng Nguyễn Sinh Sắc, thân sinh Chủ tịch Hồ Chí Minh.   
Đồng Tháp xanh cây trái, mênh mông như một hồ sen lớn. Con đường từ ngã ba An Hữu chợt hóa một cuống hoa khi tôi bất ngờ nhìn thấy một bông sen lớn lồng lộng giữa trời xanh - biểu tượng của thị xã ven bờ sông Tiền êm ả này.  
Xe xuôi đường Nguyễn Huệ về phía phà Cao Lãnh. Phần mộ cụ phó bảng nằm giữa hai cây cầu xi măng vắt ngang hai con kinh nhỏ, cách trung tâm thị xã khoảng trên dưới ba ki lô mét. Chúng tôi rẽ trái, xuống xe đi bộ ... Con đường nhỏ dẫn tới một hồ nước. Bên trái là phần mộ cụ phó bảng, qua một con cầu nhỏ, bên phải là căn nhà sàn (cất theo mẫu nhà Bác Hồ ở Phủ Chủ tịch) thấp thoáng sau những rặng dừa. Một người bạn văn của tôi bảo hồ nước ( trông rất giống bản đồ nước ta) là ao cá Bác Hồ. Đành là thế rồi! Nhưng mà tôi thấy ngạc nhiên quá: Hồ nước có tới tám cạnh không đều nhau. Tôi chưa kịp nhớ ra đã gặp biểu tượng này ở đâu thì bạn tôi đã thốt lên, tỏ vẻ thán phục: "Hình bát quái! Cậu có nhớ hình bát quái vẽ trên tường đền Cố Trạch thờ Trần Hưng Đạo ở Tức Mạc không?". Tôi nhớ. Càn đầu, khôn cuối, gói trọn cả đoài, li, chấn, tốn, khảm, cấn. Quá khứ liền với hiện tại, xem xưa thấy nay ... Trưa, mặt trời chính ngọ. Lọc trên mặt hồ ánh nắng tan trong sóng gợn xanh. Hồ như một vầng trán trầm tư ...  
Cái thâm sâu Nho giáo hiện trong chất thơ tinh tế của cấu trúc hồ nước khiến tôi cảm nhận khá dễ dàng quần thể các biểu tượng trong phần mộ cụ Nguyễn Sinh Sắc. Đài sen trắng mọc giữa hồ nước hình sao năm cánh gợi tôi nhớ đến lá cờ đỏ sao vàng, Tổ quốc ta thu nhỏ lại và hiện hình qua một nét đặc trưng nơi miền quê nhiều ao hồ, sông suối, kinh rạch ... Hai dãy nhà ngang chứa các vật lưu niệm như nhắc lại cách kiến tạo nhà ở của mỗi gia đình người Việt. Và kia, mộ cụ phó bảng sáng rực lên như một viên ngọc minh châu đang được nhả ra từ một cái miệng rồng. Tôi ngước nhìn lên mái che của phần mộ. Chín con rồng như đang bay lên hay đó là dòng Cửu Long chín khúc thiêng liêng! Hình tượng này ta thường bắt gặp trong các truyền thuyết dân gian, thấy trong các kiến trúc thờ thánh, thờ thần có tính chất tín ngưỡng của người Việt từ thuở xa xưa. Lúc bước lên miệng rồng để tới thắp hương nơi viên ngọc quý, tôi giật thót người khi đếm bậc đi lên vừa đúng số năm, số hòa hợp của âm và dương, trời và đất trong Kinh Dịch. Mộ xây hai bậc. Cộng lại vừa đủ số bảy, số dương trẻ, tượng trưng cho sự bất tử ...  
Tôi đã thắp cả chín nén nhang dâng trời đất, thánh thần và tiền nhân. Cụ phó bảng khoa Tân Sửu (1901) - người đã từng làm Hành tẩu ở bộ Lễ (Huế), làm tri huyện ở Bình Khê (Bình Định), người dám chống cả viên cộng sự Pháp ở Bình Định nên bị chúng cách chức và buộc phải định cư vĩnh viễn ở Nam Kì, người mà lúc bị giặc quản thúc vẫn làm thuốc cứu dân nghèo, tiếp tục liên lạc với các chí sĩ yêu nước khác như Dương Bá Trạc, Võ Hoành, Nguyễn Quyền, Trương Gia Mô, người được dân nghèo Cao Lãnh coi như vị thánh nhân - nhìn tôi và như nở nụ cười. Nụ cười của một người ông. Nụ cười nhân ái đã truyền trọn trong đôi mắt Bác Hồ. Như lửa, truyền từ đời này qua đời khác ... Tôi chợt nhớ đến đôi câu đối trên báo Đồng Tháp Xuân Canh Ngọ (1990) của Bắc Hà (Trần Quốc Toàn) và đọc lên, thay lời khấn : "Đôi mắt sắc nhìn bốn phương trời dẫn lối con từ Kim Liên cứu nước - Tấm lòng thành nhớ trăm tuổi Bác thay chân Người tới Cao Lãnh thăm cha".

**Nguyễn Quốc Văn**

Thao thức nỗi niềm quê

**Đi tìm cây lá dấu**

**T** huở nhỏ, có đến mấy lần tháng ba mưa buị, u tôi dẫn tôi đi theo phường hội. Tôi biếtă câu "Tháng tám giỗ cha, tháng ba giỗ mẹ" từ ngày ấy. Chỉ không hiểu sao người đời lại gọi Bà chúa Liễu là Thánh Mẫu...  
Đúng vào hôm trời bất chợt hửng nắng, phường hội cuả u tôi tay nải nối nhau qua bến đò Chè, lần theo những con đường ngoằn ngoèo, tre hai bên đường uốn cong như cố vít bầu trời Vụ Bản thấp xuống, hướng về làng Kim Thái dưới chân hai dãy nuí mà u tôi bảo là nuí Ông Gôi, núi Bà Lê. Với u tôi, do niềm tin vạn vật hữu linh gần như đã ăn sâu vào máu thịt, người hay thêm các từ ông, bà vào trước tất cả mọi vật mà người cho là tôn kính, quý trọng. Vì thế, tôi biết hai dãy nuí kia chỉ là nuí Gôi, nuí Lê. Khi nghe tôi gọi tên tục cuả nuí, u tôi hay nguýt dài để tỏ rõ sự khó chịu, rồi mới hạ thấp giọng, khẽ khàng bảo: " Có thờ có thiêng, có kiêng có lành! Con gọi tên tục người ta ra như thế phải tội chết!".   
Tôi không dám nghĩ nhời u dạy là sai. Nhưng do tò mò, tôi đánh bạo hỏi: " U ơi, thế sao người ta lại gọi Thánh Mẫu là bà chuá Liễu? Gọi như thế có phải là xếch mé không?". " Bố nhà anh, còn bé tí đã vặn vẹo chữ nghiã! Mà u thì cũng chẳng biêt sao lại như thế. U đồ rằng người ta gọi Thánh bằng Bà cho gần guĩ. Ví như bà vẫn thuốn lình cho u ấy. Lúc ấy thì bà là thánh. Vì chỉ có tay thánh thuốn lình qua má người ta mới không cảm thấy đau đớn. Xong việc, bà lại là bà thôi, hái rau, nấu cám cho lợn , làm hàng xáo, đi chợ bán gạo bán khoai...".  
Đêm, năm thì ở phủ Tiên Hương, có năm lại trong phủ Vân Cát, năm nào u tôi cũng được phường hội cử ra làm một đồng cô. Tôi rất lấy làm lạ là vào những giờ phút thiêng liêng ấy, trong ánh đèn nến chập chờn, trong những âm thanh réo rắt như mê như hoặc cuả vài cây đàn nhị, vài nhịp phách nứa tre, xuất hiện trong bộ quần áo lụa vàng tứ thân có thắt lưng bằng một dải lụa đỏ, u tôi như trở thành một người đã thoát tục hẳn. Đôi mắt lúc cháy rực như hai ngọn lửa, lúc mơ màng như lạc từ một cõi xa xăm xuống trần thế...  
Duy có dáng đi thì không thay đổi được. Tay cứ vung về hai phía trước sau, nhịp nhàng để giữ thăng bằng cho chiếc mâm đồng xếp đầy phẩm vật đội ở trên đầu. Trông giông giống những lần u đội lễ đến từ đường họ, hay vắt vẻo cùng bà tôi đi chợ, thúng trên đầu, suốt cả năm sáu cây số cũng chẳng cần phải đưa tay lên đỡ một lần nào.   
Chợt u tôi ngồi xuống. Lặng đi trong giây lát, đang từ tư thế bất động, bỗng u lắc nhẹ đầu. Nhị, phách vang lên cùng một bài ca. Rồi theo nhịp phách dồn dập dần, u tôi lắc đầu theo chiều quay từ trái qua phải, mỗi lúc một nhanh hơn. Cái mâm đồng đảo nhanh loang loáng, tạo thành một vầng hào quang trông thật hư ảo. Vào đúng lúc ấy, nhạc bỗng nhiên ngừng bặt. U tôi sững lại trong giây lát, rồi người ngồi lặng phắc, cái mâm đồng còn như cố xoay thêm một vòng nữa rồi mới chịu nằm im...Từ đấy, đồng cô không nói, chỉ gật hoặc lắc khi người ta xin quẻ. Nghe u chỉ gật trước những lời cầu xin tốt lành, khi đồng đã vãn, tôi tò mò gạn hỏi mãi u tôi mới cười, che miệng bảo: " Người tốt tính, chỉ nên làm những điều tốt. Cho nên, khi được nói thay lời thần thánh, u phải cân nhắc kỹ càng lắm. Lời u nói ra qua điệu bộ, u biết, cũng chỉ là một cách an uỉ người, an uỉ mình thôi con ạ!".  
Sáng hôm rước Mẫu, u tôi cũng được chọn vào phường lình. Phường này thường đi sau các vị sư tăng, phường các bô lão và phường kiệu. Sau phường lình là phường lân, một phường vừa múa cho vui mắt, vừa làm công việc dẹp đường cho đám rước.  
Những người trong phường lình thường thuốn lình trước khi tham dự vào đám rước. Nghe bà tôi kể lại thì xưa kia người ta thuốn ba loại lình. Loại lình đại to như cái liềm cắt lúa, thuốn vào bụng. Lình trung chỉ bằng cái đũa cả, lình tiểu ước chừng chỉ nhỉnh hơn cái kim khâu bao. Hai loại lình này dùng thuốn qua má hoặc thuốn qua lưỡi...Khi tôi biết việc này, người thạo thuốn không còn nhiều. Ngay như bà tôi cũng chỉ thuốn được lình tiểu. Và, bà cũng chỉ còn biết có một cách làm duy nhất là thuốn qua má...  
U tôi được bà thuốn lình cho. Nhìn bà muá may quanh u đến mấy vòng, rồi bất ngờ ngồi thụp xuống, tay trái bà đỡ lấy má bên này, tay phải giơ cây lình bằng thép sáng loáng, đâm mạnh vào má bên kia cuả u tôi, tôi nhắm mắt lại vì kinh sợ. Thế mà u tôi cứ tỉnh như không. Đã thế, trong đám rước, tôi thấy ánh mắt u vẫn cứ ánh lên những tia mãn nguyện lắm...  
Lúc đám rước Mẫu tan, nhìn hai cái lá khô mà bà tôi dán lên má u, tôi hỏi có đau không thì u bảo là u chỉ cảm thấy hơi tê tê thôi. Nói xong, u khẽ bóc cái lá ở bên má phải, nhờ tôi nhìn kỹ xem có còn vết sẹo nào không. Tôi tròn mắt nhìn, không giấu nổi vẻ ngạc nhiên, kêu lên: " Lạ quá u ạ! Chỉ còn một vết xước nhỏ! Sao vết lình bà thuốn qua liền nhanh đến thế u nhỉ?". U cười: " Nhờ Mẫu cả đấy con ạ! Aà, mà u chưa nói thêm cho con biết, bà có thứ lá dấu thiêng lắm! Ai bị thương, cứ đem lá ấy rịt vào là máu ngừng chảy ngay. Vết thương lại chóng liền miệng nữa. Hôm nào con dò hỏi bà, xem nó là thứ lá quý nào. Biết đâu sau này, con chẳng giúp ích được cho đời?".  
Tôi theo lời u, hỏi bà về thứ lá lạ. Bà dắt tôi ra vườn, chỉ vào buị lá dấu. Lá dấu rất giống lá bỏng, hình trái tim, mặt lá dày, cạnh lá có khứa răng cưa. Bà tôi nói, lấy lá dấu phơi khô, tẩm thêm một ít thuốc nam nữa là được một cái dấu. Mỗi cái dấu chỉ dùng một lần. Cũng chỉ làm lành được những vết thương nhỏ. Vì thế, cây lình chỉ nhỉnh hơn cây kim một chút mà thôi...  
Về sau, tục lên đồng bị cấm vì mang tính chất mê tín dị đoan, cây lá dấu trong vườn nhà không ai để ý, cứ luị dần và mất hẳn từ ngày bà tôi theo ông tôi về cõi cực lạc.   
Chiến tranh bùng nổ. Lớp lớp trai làng, trong đó có tôi, lần lượt lên đường ra mặt trận. Mỗi khi nhìn thấy đồng đội, người bị đạn Mỹ bắn vào bụng, người thì bị mảnh bom hay mảnh pháo bầy găm vào ngực, vào mặt,... máu chảy loang cả những khuôn mặt còn măng tơ, tôi thường nhớ tới cây lá dấu. Ôi, ước gì có một cái dấu xưa! Cái dấu có thể làm lành những vết thương! Không phải bằng niềm tin tôn giáo như người ta thường nghĩ! Mà bằng giá trị đích thực cuả một thứ thuốc đã từng bị một hủ tục lợi dụng , rồi vì ghét bỏ hủ tục kia, người đời cũng vô tình quên đi rằng nó chính là một loài cây quý, một bài thuốc hay và độc đáo cuả cha ông truyền lại cho cháu con...  
Những lần như thế, tôi thường khóc thầm vì tiếc. Tôi bứt ngực, tự trách mình thiển học, đến một thứ cây lá quý hiếm như vậy mà cũng không biết vun trồng, chăm bón, giữ lại giúp đời. Không rõ bây giờ, ở Vụ Bản, Yý Yên, Mỹ Lộc, Nam Trực, Xuân Trường, Giao Thuỷ có nơi nào còn cây lá dấu không? Có ai biết vị thuốc này nhưng vẫn còn giấu kín để mưu lợi cá nhân? Hoặc có còn ai đó, đang vùi đầu trong các phòng thí nghiệm, để tìm ra bí quyết cuả người xưa?  
Day dứt với cây, năm ngoái, vào đúng dịp Hội Phủ Giầy, tôi đã cố cất công tìm về chốn cũ.  
Hội rất to, có xu hướng phục cổ. Tôi tỏ ý mừng rỡ khi thấy những nét xưa đẹp đẽ phần nào đã được cháu con làm sống lại. Có những trò chơi ai đã từng biết một lần, một đời không quên nổi. Ví như trò kéo chữ ở phủ Tiên Hương chẳng hạn. Các cô gái quê mặc áo tứ thân đa sắc chạy đi chạy lại theo nhịp trống, xếp thành những chữ ước mong muôn thuở như Thiên hạ mẫu nghi, Thiên bản nhất kỳ...Nhiều lần, khi đang ở Saì Gòn, nhất là những khi đứng trên sân thượng cuả những toà nhà cao chọc trời mới xây dựng trong thời gian gần đây, nhìn xuống phố, thấy những dòng người xe xuôi ngược, tôi hay nghĩ tới trò chơi kéo chữ ở một vùng quê chèo. Khác là cuộc kéo chữ mới hôm nay hoành tráng và có tốc độ cao hơn. Và, những con chữ cũng như được phả thêm hồn cuả đất nước thời bước vào công cuộc hiện đại hoá, công nghiệp hoá đất nước ...  
Tôi chỉ còn được gặp lên đồng qua một tiết mục sân khấu cuả đoàn chèo Nam Định. Lên đồng cải biên. Ba giá đồng trong Tứ phủ đủ làm say lòng người, đủ gợi lại một nét xưa. Dĩ nhiên, các nghi thức tôn giáo không còn nữa. Ngay cả lời ca cuả cả ba giá đồng này cũng đã mang những nội dung hoàn toàn mới. Vì thế, thuốn lình cũng chỉ còn sống trong hồi ức cuả những lớp người trước hoặc đồng thời với tôi mà thôi. Cũng như vậy, kiếm cây lá dấu là việc làm còn khó hơn cả tìm kim đáy nước? Tiếc thay !  
Nhưng dấu ấn văn hoá xưa cuả một vùng đất thì vẫn còn đó. Hồn thiêng của Mẹ- hay gọi là Thánh Mẫu - như đã ngấm sâu vào đất đai, hiện hình trong lúa ngô khoai sắn , mãi mãi nuôi dòng máu đỏ ân tình còn đang chảy rần rật trong huyết quản các thế hệ cháu con...   
Tôi đã nghĩ như vậy trong khi vô tình đặt tay lên ngực. Và ngay lúc ấy, trái tim mách bảo tôi :Trong ngực mỗi chúng ta chẳng đã có một cái lá dấu đấy ư!

**Nguyễn Quốc Văn**

Thao thức nỗi niềm quê

**Chơi trăng núi Bà Đen**

**B** uổi sáng, ngồi uống trà xuân, bình thơ Tết, các bạn tôi chợt nhắc đêm nay đã là đêm Nguyên Tiêu. "Rằm xuân lồng lộng trăng soi", không ngắm được trăng khuya, e rằng rồi sẽ phải lấy làm tiếc cho đến tận Trung Thu...  
Chợt nhớ năm nào, thuở còn chiến tranh, có một lần vào đúng đêm Rằm tháng Giêng, chúng tôi- lúc đó là những người lính sắp ra mặt trận- rủ nhau leo lên chót đỉnh núi Nghĩa Cương. Dưới trăng khuya mênh mang dát bạc, Đền Hùng thâm nghiêm trở nên gần gũi đến lạ thường. Chắp hai tay vái lạy tổ tiên, tôi đâu có nghĩ tới ngày hôm nay, sau hơn hai mươi lăm năm trời đằng đẵng, trong số chúng tôi ngày ấy, nhiều người đã không thể, hoặc chưa có được một dịp thảnh thơi để trở lại với chốn xưa...Tìm trăng tháng Giêng ở thị thành không phải là điều khó. Bây giờ, vào một đêm bất kì nào đó, trừ những ngày nguyệt tận, mời nhau leo lên sân thượng, quây quần bên ấm trà ngon hay bình rượu quý, chúng tôi đã có thể ung dung ngồi thưởng nguyệt, đón gió trời...Nhưng để có một đêm trăng đủ cả gió nuí, mây ngàn, lá hoa, cây cỏ...qủa là việc bấy lâu nay còn nằm ngoài tầm mơ ước cuả chúng tôi!  
Mơ ước ấy, trong sáng xuân này, vô tình được đánh thức. Anh T, một luật sư có tiếng trong thành phố, quay sang phía anh K- một nhà văn quân đội- thủ thỉ rủ:" Đêm nay, tôi rất muốn cùng mấy anh em mình đi tìm trăng xưa! Các anh thấy việc này liệu có nên không?". " Sao lại không nên !", anh S- một nhà báo có khuôn mặt lúc nào cũng khó đăm đăm- bỏ ly trà trên tay xuống, nhỏ nhẹ, tiếp: " Mấy năm trước thì tôi chả dám rủ các bác. Năm nay, nhờ vận nước đổi mới, lại được tổ tiên phù hộ cho, tôi thấy ai trong chúng ta cũng phát tài phát lộc, thơ văn in ra bày bán khắp nơi, đem cái nhuận bút báo xuân nuôi một đêm trăng , theo tôi, là việc rất đáng làm! Biết đâu, cảm hứng từ cuộc chơi trăng sẽ nhập vào ai đó, khiến người ấy cầm bút viết và để lại được cho đời một áng thơ văn xuân sắc mãi với thời gian?"...  
Bàn qua tính lại một hồi lâu, các bạn tôi quyết định: đêm Rằm này, chúng tôi sẽ đến thưởng trăng trên nuí Bà Đen. Bởi, nuí không xa thành phố bao nhiêu. Bởi, nuí nhắc nhở chúng tôi nhớ về những bà mẹ một nắng hai sương nuôi con khôn lớn thành người. Bởi, nuí là dáng hình thu nhỏ của con chim Trường Sơn vĩ đại, mấy ngàn năm qua vẫn còn tung cánh, vẫy người Việt đi khai hoang khẩn đất, mở mang bờ cõi tới cả những vùng xa tít tắp ở phương nam...  
\*\*\*  
Sáu giờ chiều, xe chúng tôi mới tới được chân nuí. Gửi xe vào bãi đậu, quên cả mệt mỏi, chúng tôi nhập ngay vào đoàn người hành hương đông như nêm cối, thong thả qua cổng và từ từ ngược dốc.  
Trong chạng vạng hoàng hôn tím sẫm, nuí Bà Đen trong mắt tục của tôi, trông tựa hồ như một người đàn bà mặc áo bà ba đang thư thái nằm nghỉ sau một ngày trỉa lúa trồng khoai vất vả. Trên tấm áo ấy, còn lấm tấm cả bùn đất của những cánh ruộng cò bay thẳng cánh vùng đồng bằng Nam Bộ trồng lúa nước.  
Tôi bất giác ngước nhìn lên. Vầng trăng phiá xa sáng trắng lên một thứ ánh sáng đã được lọc trong văn vắt. Thứ ánh sáng ấy trải ra trong mênh mang, rồi như cố ý tụ lại trên những thân cột, cái thì bằng xi măng, cái thì bằng gỗ nuí. Chúng nhấp nháy, tinh nghịch như những đôi mắt đang cười. Ngỡ ngàng mà thân quen quá ánh sáng điện cùng người leo lên nuí. Có lẽ vì thế chăng mà một tốp thanh niên ( tôi đoán là các em sinh viên) vừa ca hát trong tiếng đàn ghi ta vừa nhảy muá trên những bậc đá gập ghềnh, có em đưa tay chỉ chỉ trỏ trỏ những dây bóng đèn điện màu vàng với một vẻ thích thú đặc biệt. Đi sau các em, các cụ già tay cầm nhang, vai mang đồ tế lễ, miệng lầm rầm: " A di mô đà Phật". Gió nuí Bà Đen vờn nhẹ, những chòm râu cước cuả các bô lão khẽ phất phơ...  
Rồi cũng tới được Suối Vàng. Nói là suối nhưng tôi ngược theo lòng khe đá, không thấy có nước. Chỉ thấy ánh trăng loang loáng, loang loáng vờn theo chiều cây hai ven bờ đang reo lên xào xạc cùng gió xuân. Tôi bần thần nhìn xuống dưới chân núi. Đêm chắn che vạn vật, không gian nửa hư nửa thực bồng bềnh một sắc bạc. Trên cái nền bạc mông lung ấy, hàng ngàn ngọn đèn hắt ra từ các ô cửa của các căn nhà phía xa xa nhấp nháy như một trời sao. Có những ngôi sao trôi ngang, trôi dọc, từ từ như người đi bộ, vun vút như xe lao trên đường cái quan...Xa hơn nữa về phiá đông, nhiều quầng sáng lớn hắt lên trời, soi rõ cả những tầng mây trắng nõn như bông. Tây Ninh, Sài Gòn, Thủ Dầu Một, Biên Hoà đang lớn dậy từng ngày đều ở những chân trời ấy. Tưởng như ánh sáng vào thời đổi mới cuả các đô thị lớn có đủ sức để toả lan tới tận cả miền đất nuí phía tây nam của Tổ quốc xa xăm này...  
Tới Điện Bà, chúng tôi thấy người đi lễ Phật đã vòng trong vòng ngoài, tấp nập vào ra từ hai cái điện thờ có tiếng là linh thiêng. Ngoài sân điện, người hành hương ngồi kín mít, người đi vãn cảnh như chúng tôi phải len chân mà đi. Ơở đây, không hiểu sao, ánh trăng xanh đến kỳ lạ. Mặt người nào, người nấy trông như đượm vẻ trầm tư, thành kính. Tôi lặng đi trong suy tưởng. Rồi cảm hứng về trăng khiến tôi khám phá ra một điều bí mật của tự nhiên: Được ánh trăng từ trên mặt lá phía dưới hắt ngược lên, laị thêm cả ánh trăng lọt qua kẽ lá ở trên cao lọt xuống, do nằm ở lưng chừng nuí, Điện Bà vô tình được trăng khuya nhuộm xanh cái sắc xanh tưởng như là của thần thánh vậy.  
Tôi lại cố trèo lên Hang Gió. Cũng là để tìm một sự khác lạ cuả hang đêm so với ban ngày mà thôi. Có lẽ khí lạnh toả ra từ hang không làm nhiều người đi hành huơng thích thú, nên nơi đây vắng ngắt như tờ. Tôi quỳ xuống đá, ngó vào hang. " Trời ơi!", tôi thầm kêu lên, vẻ đẹp thần tiên, huyền bí đến thế mà người đời cũng lãng quên ư ! Hay là chỉ do người ta chưa kịp phát hiện ra? Tôi vội chạy xuôi trở xuống để gọi bạn bè lên ngắm ánh vàng rọi xiên qua kẽ đá, lúc gió lay cây, những luồng sáng mong manh kia cứ như run lên bần bật...Điệu run cuả đá, thử hỏi trong đời này, đã mấy ai được tận mắt ngắm nhìn?  
Tôi đã không kịp thực hiện được ý định cuả mình. Nghĩ tôi đã vượt lên đằng trước, các bạn tôi đành rủ nhau đi tiếp lên chùa Hang, ngôi chuà cao nhất cuả thắng cảnh nuí Bà Đen. Họ đang bị kẹt cứng ở bên một ghộp đá hẹp mà lối đi chỉ đủ lọt cho một người qua. Thật làứ may: nhờ cái ghộp đá biết níu hộ chân người mà tôi theo kịp bạn...Len lỏi khá vất vả, mồ hôi ướt đầm cả aó, chúng tôi mới đến được ngôi chùa cuối cùng ấy. Người vào chùa thắp nhang, người ngồi bệt xuống bức tường nhiều bậc lấy lại sức...Tôi rủ được anh K còn đang sung sức len vào hang. Hang sâu hun hút, tối om. Đang định quay trở ra, tôi bỗng nghe anh K hổn hển gọi: " Vào đây! Mau lên! Đẹp tuyệt trần!". Tôi lần theo vách đá, có lúc phải bò qua các ngách hẹp. "Thấy chưa?", K nói và cầm lấy tay tôi, chỉ ngược lên vòm hang tối. Mắt tôi tưởng như bị một ngọn đèn pha cực mạnh làm cho chói lòa. Luồng ánh trăng hình phễu ngược mở ra một khoảng xanh bao la. Lồng lộng trong khoảng xanh đó là một quầng vàng rực rỡ . Rồi những thanh âm bảng lảng cuả tiếng chuông chuà điểm vọng lại, ngỡ như cùng một lúc len lỏi qua kẽ đá với những sợi trăng...  
Chúng tôi ra về vào khoảng hai giờ sáng. Khí nuí và gió xuân lành lạnh cùng ùa theo đưa tiễn khách. Trăng vẫn bát ngát toả xanh trên mỗi mái đầu. Tôi quay lại, ngước nhìn lên một lần nữa. Trăng nuí Bà Đen gợi nhớ trăng xưa ở mãi tận Đền Hùng. Trăng, giống như khuôn mặt người - khuôn mặt của Bà Âu Cơ, của Bà Đen và của cả mẹ tôi nữa - vẫn muôn đời sẽ còn toả sáng...

Lời cuối: Cám ơn bạn đã theo dõi hết cuốn truyện.  
Nguồn: http://vnthuquan.net  
Phát hành: Nguyễn Kim Vỹ.  
  
Nguồn:   
Được bạn: Thái Nhi đưa lên  
vào ngày: 9 tháng 10 năm 2004